

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: Công nghệ may

BÀI GIẢNG MÔN HỌC

Môn học: **Thiết kế mẫu rập y phục trẻ em**

Giảng viên chuẩn bị: **KS. Trần Thị Hồng Mỹ**



TP.HCM, Tháng 12 năm 2005

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Công nghệ may

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **Thiết Kế Mẫu Rập Y Trẻ Em**
2. Số đơn vị học trình: **3 (45 tiết)**
3. Trình độ: **cho sinh viên năm thứ 4** (thực hiện ở học kỳ 7 của Chương trình đào tạo toàn khóa học gồm 8 học kỳ)
4. Phân bố thời gian:
 - 🕒 Lên lớp: 40 tiết
 - 🕒 Báo cáo chuyên đề & thảo luận: 5 tiết
5. Điều kiện tiên quyết:
 - 🕒 Môn học trước: cơ sở thiết kế trang phục, thiết kế thời trang.
6. Mục tiêu của học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp thiết kế mẫu ráp trong công nghiệp may.
7. Mô tả vắn tắt nội dung chi tiết học phần: xây dựng công thức cắt may y phục trẻ em, hướng dẫn phương pháp tạo mẫu ráp trong công nghiệp may.
8. Nhiệm vụ của sinh viên:
 - 🕒 Dự lớp
 - 🕒 Chuẩn bị báo cáo, tham gia thảo luận chuyên đề
9. Tài liệu học tập:

Bài giảng của môn học “Thiết kế mẫu ráp y phục trẻ em”

Sách tham khảo:

 - 🕒 Bài giảng “Thiết kế y phục trẻ em” –ThS . Phạm Thị Quý
 - 🕒 Kỹ thuật cắt may – Triệu Thị Chơi –NXB TP Hồ Chí Minh
 - 🕒 Bài học cắt may – Nguyễn Duy Cẩm vân – NXB Trẻ
 - 🕒 The Complete Guide to Fashion Design–Paulinr Gan Siew Eng– Illustrated By Lu Shufen.
10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:
 - 🕒 Dự lớp
 - 🕒 Báo cáo & Thảo luận
 - 🕒 Thi cuối học kỳ

11. Thang điểm:

♣ Báo cáo & thảo luận: 20% điểm

♣ Thi cuối học kì: 80% điểm

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Thiết kế y phục trẻ sơ sinh (5 tiết)

1.1 Bao tay

1.2. Các kiểu xây

1.2.1 Xây kiểu 1

1.2.2 Xây kiểu 2

1.2.3 Xây kiểu 3

1.3 Quần lưng thun

1.4 Các kiểu áo sơ sinh

1.4.1 Bảg ni mẫu

1.4.2 Áo tay Raglan

1.4.3 Áo cài nút giữa

1.4.4 Áo cài nút một bên

1.4.5 Áo ghilê

Chương 2: Thiết kế y phục bé gái (15 tiết)

2.1 Phương pháp đo

2.2 Quần xilíp

2.3 Quần phồng

2.4 Quần xi líp kết nút

2.5 Áo liền quần (kiểu 1)

2.6 Áo liền quần (kiểu 2)

2.7 Đồ bộ căn bản

2.8 Các dạng bầu áo

2.8.1 Bầu lá sen: Bầu lá sen đứng

Bầu lá sen nằm

Bầu lá sen nhật

2.8.2 Bầu xây: Bầu xây tròn

Bầu lính thủy

Bầu xây vuông

2.9 Các dạng tay áo

2.9.1 Tay thường

2.9.2 Tay phồng

2.9.3 Tay hất

2.9.4 Tay cánh tiên (kiểu 1)

- 2.9.5 Tay cánh tiên (kiểu2)
- 2.9.6 Tay loa rũ
- 2.9.7 Tay cánh hồng
- 2.10 Các dạng đô áo
 - 2.10.1 Đô thẳng
 - 2.10.2 Đô vuông
 - 2.10.3 Đô chữ U
 - 2.10.4 Đô vuông ngắn
 - 2.10.5 Đô vuông dài
 - 2.10.6 Đô tròn
 - 2.10.7 Đô tròn sát nách
 - 2.10.8 Đô nhọn
 - 2.10.9 Đô biến kiểu 1
 - 2.10.10Đô biến kiểu 2
 - 2.10.11Đô biến kiểu 3
- 2.11 Các dạng váy
 - 2.11.1 Váy căn bản
 - 2.11.2 Váy lưng thun
- 2.13 Các dạng áo đầm
 - 2.13.1 Áo đầm liền căn bản
 - 2.13.2 Áo đầm có đường ráp trên eo
 - Đề cúp thẳng
 - Đề cúp vuông
 - Đề cúp tròn
 - 2.13.3 Áo đầm có đường ráp ngang eo
 - Thân dưới thẳng có dún
 - Thân dưới hình thang ghép
 - Thân dưới dúi tầng
 - Thân dưới thẳng có ghép hình tam giác
 - Thân dưới hình quả bí
 - Thân dưới hình bán nguyệt
 - Thân dưới hình tròn
 - 2.13.4 Áo đầm có đường ráp dưới eo

Chương 3: **Thiết kế y phục bé trai** (10tiết)

- 3.1 Các dạng quần short
 - 3.1.1 Quần đùi thường
 - 3.1.2 Quần short lưng rời
 - 3.1.3 Quần short lưng thun

- 3.1.4 Quần short có yếm
- 3.2 Các dạng quần tây
 - 3.2.1 Quần tây thường
 - 3.2.2 Quần tây xếp li
- 3.3 Các dạng áo chemise căn bản
 - 3.3.1 Áo chemise bầu danton
 - 3.3.2 Áo chemise bầu tenant

Chương 4: Thiết kế mẫu rập (15tiết)

- 4.1 Thiết kế mẫu rập áo đầm bé gái
- 4.2 Thiết kế mẫu rập áo đầm bé gái
- 4.3 Thiết kế mẫu rập quần yếm bé gái
- 4.4: Thiết kế mẫu rập quần yếm bé trai (Seminar)

Tp. HCM, ngày 2 tháng 12 năm 2005
Giáo viên phụ trách môn học

KS. Trần Thị Hồng Mỹ

MỞ ĐẦU

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống càng được nâng cao thì nhu cầu ăn mặc của con người càng được quan tâm hơn.

Hiện nay nhu cầu thời trang cho người lớn đã được khẳng định, bên cạnh đó trang phục trẻ em cũng cần được quan tâm và phát huy nhiều hơn. Vì trẻ em là thế hệ tương lai, là niềm hy vọng của mỗi gia đình, cho nên xã hội nào cũng chú trọng đến việc giáo dục và chăm sóc trẻ em. Việc thiết kế các mẫu áo đẹp, thích hợp cho trẻ không những có lợi ích cho sức khỏe, mà còn giúp cho các em phát triển cá tính và phong cách theo chiều hướng tốt.

Một số điểm cần lưu ý khi thiết kế trang phục trẻ em:

1. Chất liệu:

- Vải cotton thoáng mát, độ bền tương đối cao. Dễ hút mồ hôi khi trẻ hoạt động do đó thích ứng với khí hậu miền nhiệt đới đồng thời giữ ấm cho trẻ khi trở trời, không làm hại làn da của trẻ và giá thành tương đối rẻ.

- Chất liệu tơ tằm tốt nhưng giá thành cao mà trẻ em thì chóng lớn, do đó sẽ phí khi quần áo đã chật mà vải vẫn còn tốt hoặc bị rách khi trẻ chơi đùa.

- Tránh dùng các hàng vải bí hơi, không hút ẩm vì sẽ làm trẻ khó chịu do nóng bức ẩm ướt, nhất là đối với Việt Nam, nơi có khí hậu nhiệt đới.

- Khi cắt may cho trẻ cần cộng cử động với số lớn, không cho trẻ mặc quần áo bó sát, chật, do đó đối với một số loại vải áo có độ co lớn cần lưu ý cộng thêm độ co rút vào trước khi cắt. So với người lớn, quần áo của trẻ em thường bị dơ mau hơn, do đó khi thay ra cần giặt ngay để tránh bị ẩm mốc và để đảm bảo vệ sinh.



2. Màu sắc:

Màu sắc trong thiên nhiên vô cùng phong phú, sống trong một thế giới muôn màu sắc này, những nhà thiết kế trang phục trẻ em cần nắm được cách phối màu, các quan hệ màu sắc để tạo nên những bộ trang phục vui mắt, hài hòa, trang nhã...

Đối với tuổi mẫu giáo, tâm hồn bé là cả thế giới tươi đẹp nên chọn màu sắc tươi sáng... Nhất là bé gái nên chọn những màu xanh lơ, vàng nhạt, xanh lá cây ... để biểu hiện sự thanh nhã, ngây thơ và ngộ nghĩnh của các bé.

Thật ra, trong thế giới muôn màu sắc này, bất kể màu nào, bất kỳ sắc độ nào, chỉ cần đứng đúng vị trí cũng làm tôn bộ áo quần lên. Nên việc chọn màu và cách đặt các mảng màu lên cùng một bộ trang phục (gọi là phối màu) là vấn đề then chốt của sự thiết kế.



3. Đặc tính trẻ và đặc điểm trang phục trẻ:

Khi thiết kế mẫu trang phục cho trẻ em cần tính toán không chỉ độ tuổi, giới tính, khu vực, mùa trong năm mà còn cân nhắc thêm về cả mặt tâm sinh lý và tốc độ tăng trưởng nhanh, tính hiếu động, hiếu kỳ của trẻ em rồi dựa theo đó mà chọn vải, chọn kiểu dáng, màu sắc cho phù hợp.

Trong thiết kế tránh sự rườm rà, phải làm thế nào để tạo nên sự phối hợp hợp lý, gọn gàng. Cần bám sát tính cách ngây thơ, tự nhiên và hoạt bát của trẻ.

Khi thiết kế nên đưa các con vật, thú cưng, những vật xung quanh của bé vào nhằm mục đích mang đến cho trẻ sự hiểu biết về thiên nhiên, cuộc sống, kiến thức phong phú.

4. Sự phát triển của cơ thể trẻ:

Muốn cắt may quần áo trẻ em phù hợp với quá trình trưởng thành của bé, cần hiểu biết đầy đủ về sự biến đổi cơ thể của trẻ theo từng lứa tuổi.

Ngòai ra, những yếu tố khí hậu, hoàn cảnh sống, giới tính, tình trạng sức khỏe di truyền đều ảnh hưởng đến sự phát triển của bé.

Thời kỳ tuổi mẫu giáo:

Thời kì này trẻ không lớn nhanh như thời kỳ cho bú nhưng chiều dài thân, vòng ngực, thể trọng đều tăng. Đặc biệt do trẻ đã biết đi nên nửa thân dưới dài ra. Với trẻ 4 tuổi tỷ lệ thân dài gấp 5 lần đầu. Vòng ngực lớn hơn vòng đầu, ngực nở hơn, vai rộng ra, ngực nhô ra so với bé thời kỳ cho bú.

Trẻ đến 5 tuổi bụng bắt đầu thon dần, độ cong của lưng tăng lên. Dù khó nhận thấy nhưng trẻ đã có vòng eo, nhỏ dần so với ngực tuy không rõ rệt. Đó là những biểu hiện sự biến đổi cơ thể. Cũng như thời kỳ cho bú, có sự khác biệt bé trai và bé gái (bé trai thường lớn hơn bé gái một chút).

Thời kỳ tuổi đi học:

(từ 6 đến 12 tuổi)

Trẻ từ 6 đến 8 tuổi trọng lượng cơ thể và kích thước của vòng ngực tăng nhanh hơn thời kỳ mẫu giáo. Khác biệt của nam và nữ cũng rõ hơn. Tỷ lệ độ dài thân và đầu ở 6 tuổi khoảng 5.5 đến 6 lần. Đến 10 tuổi các em gái có chiều cao và cân nặng vượt nhanh hơn nam, kích thước vòng ngực, vòng eo, vòng hông đều tăng lên nhiều.

Với các em vòng hông có thể tăng từ 3 đến 4cm trong một năm, thân hình tròn trịa cơ thể biến đổi dần thành một thiếu nữ. Các em nam thì bộ ngực đầy hơn, vai nở, bộ xương phát triển vững chắc thành một thiếu niên. Lúc 10 tuổi tỷ lệ thân bằng 6 đầu.

Do nhiều lý do, sự sai biệt giữa các cá nhân trẻ rất lớn vậy cần quan sát kỹ cơ thể của từng trẻ.

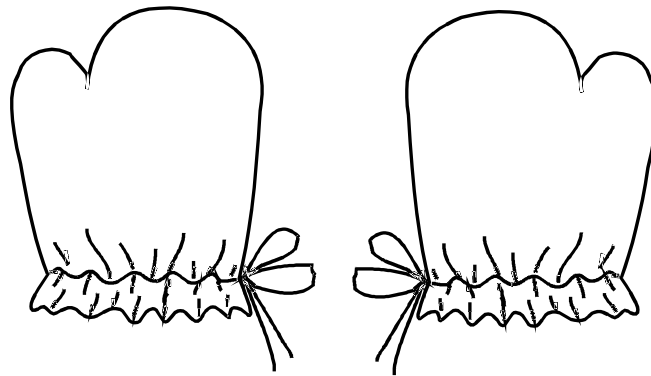
Quần áo trẻ trong thời kỳ đang lớn không nên may vừa khít với thân hình mà nên có một độ rộng thích hợp.



Bài 1:
BAO TAY

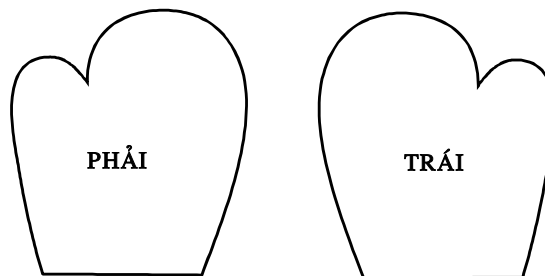


1. Hình dáng:



2. Cấu trúc:

Gồm 4 miếng cho 2 bàn tay phải và trái



3. Phương pháp thiết kế:

3.1. Cách vẽ

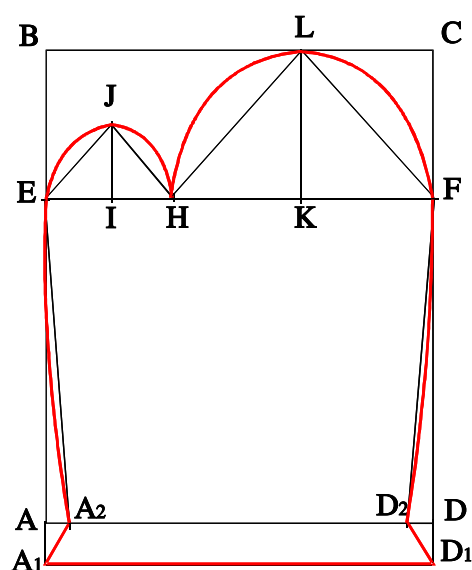
- AB: chiều cao=11cm
- BC:AD=chiều rộng=9cm
- AE=DF=7.5cm
- AA₁=DD₁=lai tay=1cm
- AA₂=DD₂=0.5cm
- Từ E kẻ đường thẳng EF//AD&BC
- EH=1/3EF
- I là điểm giữa của EH
- IJ=1.8cm
- K là điểm giữa của HF
- KL=3.5cm

Vẽ ngón cái

- Nối EJ & JH
- Tại điểm giữa EJ & JH vẽ cong ra 0.5cm

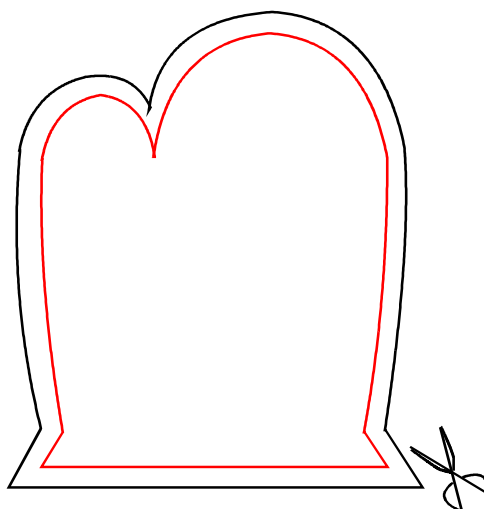
Vẽ phần bàn tay còn lại

- Nối LH & LF
- Tại điểm giữa LH & LF vẽ cong ra 1cm
- Nối EA₂ & FD₂
- Tại điểm giữa EA₂ & FD₂ vẽ cong ra 0.3cm
- Nối thẳng các điểm lại với nhau



3.2. Cách cắt và chừa đường may:

- Cắt 4 miếng cho 2 bàn tay phải và trái.
- Khi cắt, cắt từng đôi một, mặt phải úp vào nhau và chừa đều xung quanh 1cm đường may.



4. Qui trình may:

Lấy 2 lớp vải úp mặt phải vào nhau, may từ dưới lai tay một đường xung quanh đến điểm H, một mũi kim nằm tại góc H và tiếp tục may đến hết bao tay. Chừa 1cm dưới lai bao tay để luồn dây.

Dùng kéo bấm góc giữa bàn tay và ngón tay cái, giữ cho không bị đứt chỉ may.

Lộn ra mặt phải vải, may lai bao tay

May một sợi dây nhỏ bằng vải xéo hoặc dùng len, ru băng làm dây để buộc.

Kết lại từng đôi cho giống nhau.



Bài 2

CÁC KIỂU XÂY



1. Xây kiểu 1:



1.1. Phương pháp thiết kế:

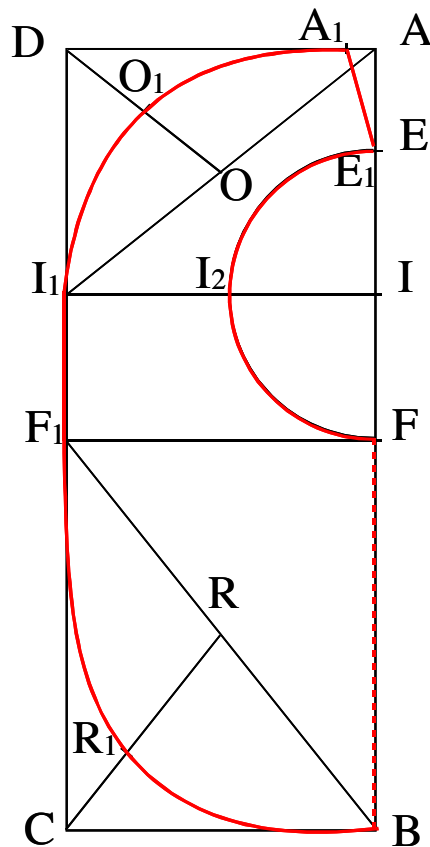
- AB: chiều dài=24cm
- BC:AD=chiều ngang=9.5cm
- AE=3cm
- EI=IF=4.5cm
- Từ I vẽ đường thẳng $II_1//AD$
- Từ F vẽ đường thẳng $FF_1//AD$

Vẽ vòng cổ xây

- Từ I vẽ $\frac{1}{2}$ vòng tròn bán kính $II_2=4.5\text{cm}$
- $IF=IE=II_2=4.5\text{cm}$

Vẽ vành ngoài xây

- Nối BF_1 & CF
- Gọi R là điểm giữa của BF_1
- Từ R đo lên 4.5cm ta có R_1
- Nối AI_1 & DI
- Gọi O là điểm giữa của AI_1
- Từ O đo lên 2.3cm ta có O_1
- $AA_1=1\text{cm}$
- $EE_1=0$ đến 0.5cm
- Nối tất cả các điểm còn lại với nhau



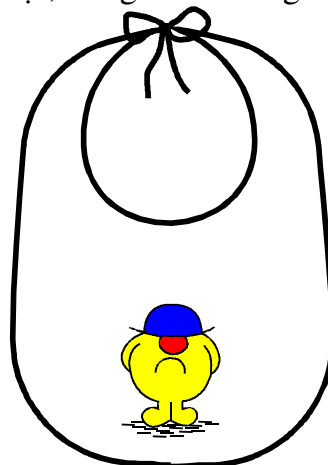
1.2. Cách chừa đường may và ráp:

- BF là vải xếp đôi
- Vòng cổ chừa 0.5cm đường may
- Xung quanh xây chừa 0.8 đến 1cm
- Cắt hai miếng đối nhau

1.3. Qui trình may:

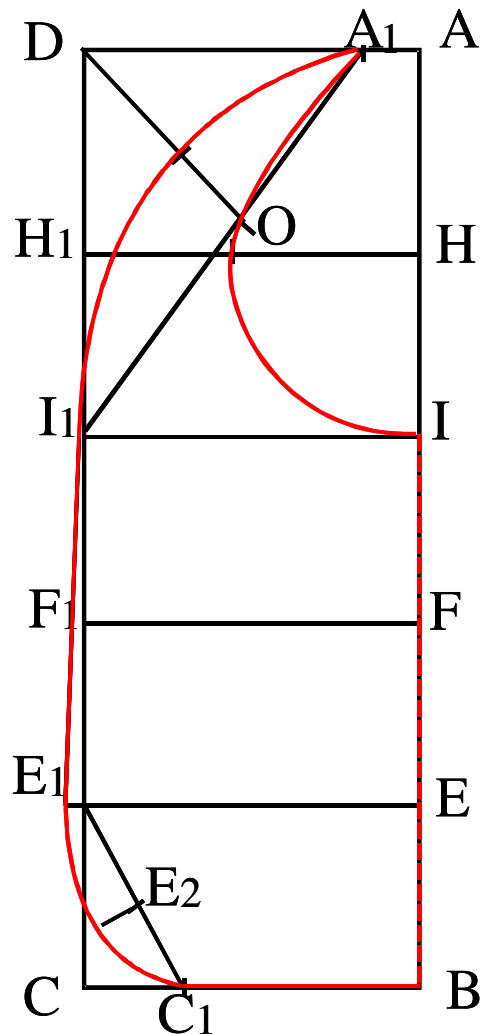
- Úp 2 mặt phải vải vào nhau (nếu kết ren thì đặt ren vào giữa)
- May một đường xung quanh vòng cổ, rồi may vòng ra bên ngoài xây, chừa 1m đầu xây để lộn ra bề mặt.
- Khi may xong dùng kéo bấm các đường cong, rồi lộn ra bề mặt, xếp mép vải ở đầu xây lại, dùng kim luôn giữa 2 lớp vải lại với nhau.

2. Xây kiểu 2:



2.1. Phương pháp thiết kế:

- AB: chiều dài=23.5cm
- BC=AD: chiều ngang=8.5cm
- BE=EF=FI=IH=4.5cm
- HA=5.5cm
- Ta vẽ $EE_1, FF_1, II_1, HH_1 \parallel BC \text{ \& } AD$.
- $AA_1=1\text{cm}$
- Nối A_1I_1 . Gọi O là điểm giữa của A_1I_1 .
- Từ O đo lên 2.4cm
- $CC_1=1/3 CB$
- Từ E_1 vẽ cong ra 0.5cm
- Nối E_1I_1 . Gọi E_2 là điểm của E_1C_1
- Từ E_2 đo lên 1cm
- Từ H đo vào 4.5cm
- Tại điểm OA_1 vẽ cong lên 0.2cm



2.2. Cách chừa đường may và ráp:

Giống kiểu 1

2.3. Qui trình may:

Giống kiểu 1

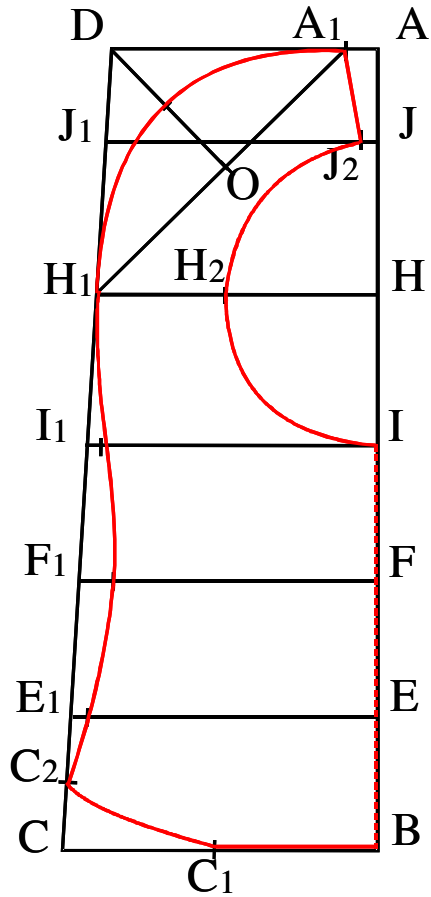
Lưu ý: vòng cổ thường viền tròn có dây dài để cột

3. Xây kiểu 3:



3.1. Phương pháp thiết kế:

- AB: chiều dài= 24cm
- BC: chiều ngang= 9.5cm
- AD: chiều ngang= 8.5cm
- BE=EF=FI=4cm
- IH=HJ=HH₂=4.5cm
- AA₁=1cm
- JJ₂=0.5cm
- Ta vẽ EE₁, FF₁, HH₁, JJ₁// BC&AD
- CC₂= 2cm
- C₁ là điểm giữa CB
- Từ E₁ đo vào 0.5cm
- Từ F₁ đo vào 1cm
- Từ I₁ đo vào 0.5cm
- Nối A₁H₁. O là điểm giữa A₁H₁
- Từ O vẽ cong ra 2.5cm
- Nối tất cả các điểm lại với nhau



3.2. Cách chữa đường may và ráp:

Giống kiểu 1

3.3. Qui trình may:

Giống kiểu 1

Lưu ý: vòng cổ thường cài khuy nút.

Bài tập: Dựa vào công thức thiết kế căn bản của các kiểu yếm đã học hãy thiết kế yếm theo hình sau:



Bài 3

QUẦN LŨNG THUN

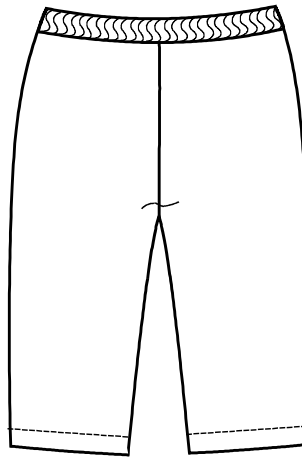
(Dành cho trẻ sơ sinh)



1. Số đo mẫu: (Trích trong “ Bài giảng cắt may quần áo trẻ em” – ThS Phạm Thị Quý)

Kí hiệu	Mới sinh đến 3 tháng	3 tháng đến 6 tháng	6 tháng đến 1 tuổi
Bề dài	27	30	32
Bề ngang	15	17	19

2. Đặc điểm và hình dáng:



3. Phương pháp thiết kế:

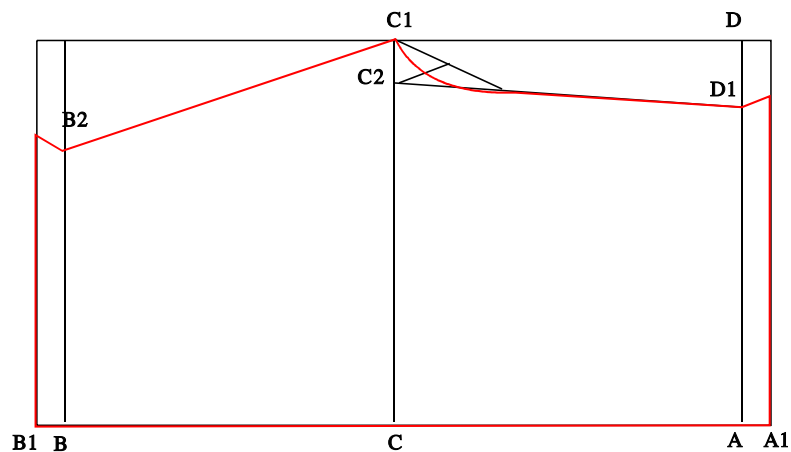
Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 1cm đường may + ngang hông.
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách thiết kế:

- AB: dài quần=30cm
- AA₁: lưng quần=1.5cm
- BB₁= lai quần=1cm
- C là trung điểm của AB

- CC₁: ngang mông=17cm
- DD₁=3cm



- BB₁: ngang ống=12 đến 15cm
- C₁C₂=2cm

4. Cách chừa đường may và cắt:

- Đường vòng đáy, đường ống chừa 1cm đường may.

5. Qui trình may:

- Ráp ống quần
- Ráp vòng đáy
- May lưng
- Lên lai
- Luồn thun

Bài tập: Từ công thức thiết kế căn bản hãy thiết kế 2 kiểu quần lưng thun sau (theo bảng ni mẫu trên)



Bài 4

CÁC KIỂU ÁO SƠ SINH



1. Số đo ni mẫu: (Trích trong “ Bài giảng cắt may quần áo trẻ em” – ThS Phạm Thị Quý)

THÂN ÁO

Kí hiệu	Mới sinh đến 1 tháng	1 tháng đến 3 tháng	3 tháng đến 6 tháng	6 tháng đến 9 tháng
Dài áo	23	25	27	30
Ngang vai	9.5	10.5	11.5	12
Hạ vai	2	2.3	2.4	2.5
Hạ nách	11.5	12	12.5	13
Vào cổ TT & TS	3.5	4.0	4.5	5.0
Hạ cổ TT	3.5	4.0	4.5	5.0
Hạ cổ TS	1	1	1.5	1.5

TAY ÁO

Kí hiệu	Mới sinh đến 1 tháng	1 tháng đến 3 tháng	3 tháng đến 6 tháng	6 tháng đến 9 tháng
Dài tay	14	16	17	18
Ngang tay	Hạ nách áo + 0.5			
Hạ nách tay	4.6	5	5	5.5

2. Áo cài nút giữa: (trẻ từ 3 đến 6 tháng)

2.1. Hình dáng:



2.2. Phương pháp thiết kế:

A. Thân áo

Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 2.5cm làm đường đỉnh áo+ 1cm gài nút + 28cm ngang áo.
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ:

- $AB=CD$: dài áo=27cm
- BB_1 : lai áo=1cm
- $BC=AD$: ngang áo= dài áo= 27cm
- $AE=DF$: ngang vai=11.5cm
- $AI=DI_1$: hạ nách =12cm
- $II_2=1/2 II_1$
- $EE_1=FF_1=2.5cm$
- AA_1 : vào cổ $TT=4.5cm$
- DD_1 =vào cổ $TS=4.5cm$
- DD_2 =hạ cổ $TS= 1.5cm$
- Nối tất cả các điểm lại với nhau

B. Tay áo

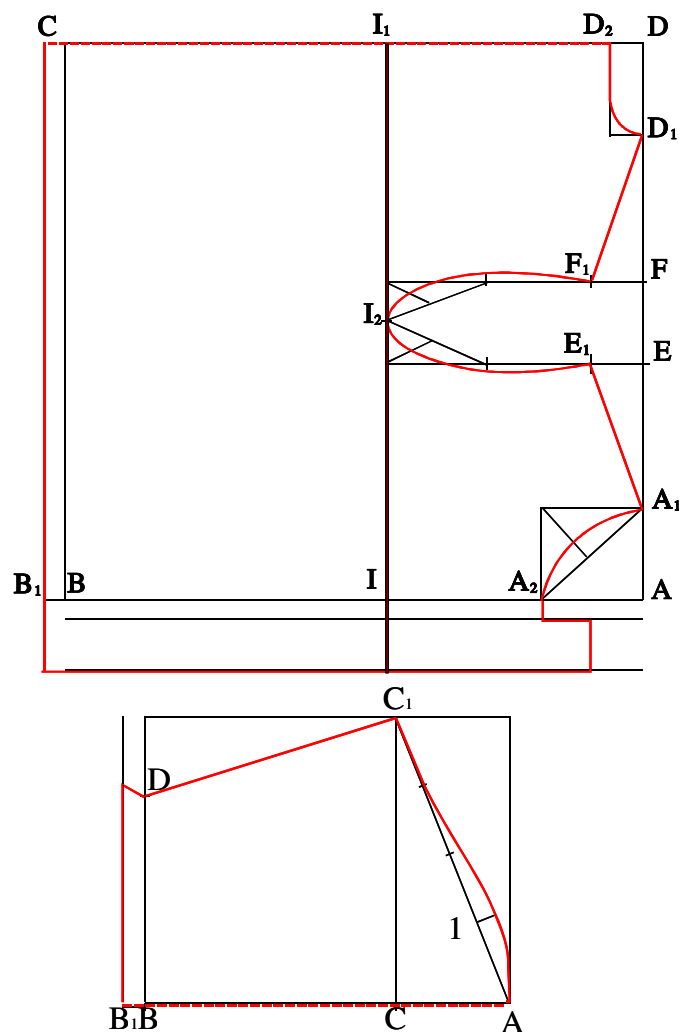
Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 1cm chừa đường may + 13cm ngang tay
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ:

- AB : dài tay = 17cm
- BB_1 : lai tay=1cm
- AC : hạ nách tay= 5cm

- CC₁: ngang tay= hạ nách áo + 0.5cm =13
- BD: cửa tay (tùy ý) hoặc = ngang tay -2cm= 10.5 cm



2.3. Cách chừa đường may & cắt

- CD (thân trước) là vải xếp đôi
- Vòng cổ, vòng nách chừa 0.5cm đường may
- Đường sườn vai chừa 1cm
- Đường sườn tay chừa 1cm

2.4. Qui trình may

- Ráp sườn vai
- Viền cổ áo
- May lai tay
- May sườn tay
- Ráp tay vào thân
- Lên lai, làm khuy, kết nút

3. Áo cài nút một bên: (trẻ từ 3 đến 6 tháng)

3.1. Hình dáng:



3.2. Phương pháp thiết kế:

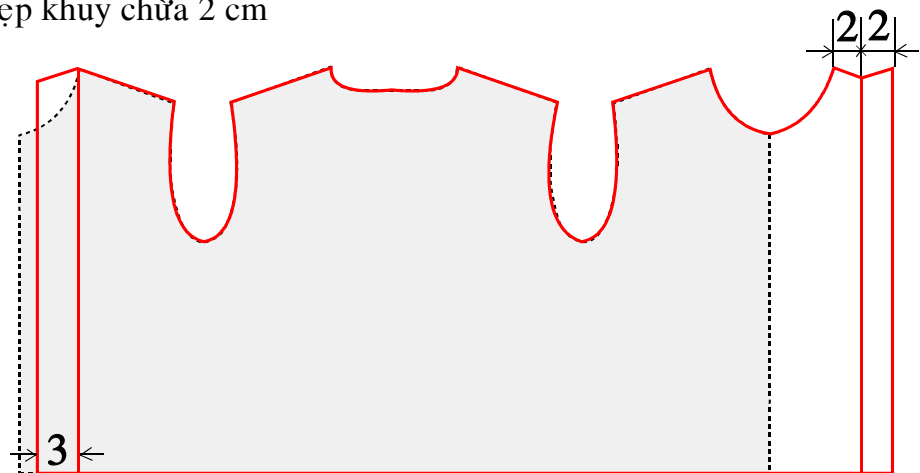
A. Thân áo

Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 2.5cm làm đường đỉnh áo+ 1cm gài nút + 27cm ngang áo.
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ: (giống như áo cài nút giữa)

- Nẹp nút chừa 3 cm
- Nẹp khuy chừa 2 cm



b. Tay áo:

- Cách vẽ giống tay áo cài nút giữa

3.3. Cách chừa đường may:

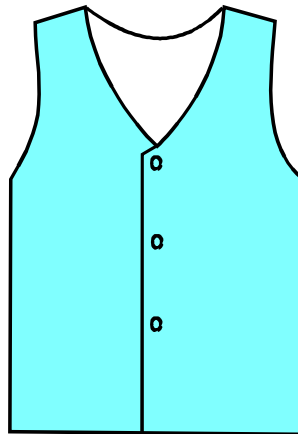
- Khi cắt vòng cổ chừa 0.5cm, vòng nách 0.7cm, sườn tay chừa 1cm đường may

3.4. Cách ráp:

- Ráp sườn vai, cổ viền tròn hoặc viền dẹp, lên lai tay, may đường sườn tay, ráp tay vào thân áo, lên lai áo.

4. Áo gilê: (trẻ từ 3 đến 6 tháng)

4.1. Hình dáng:



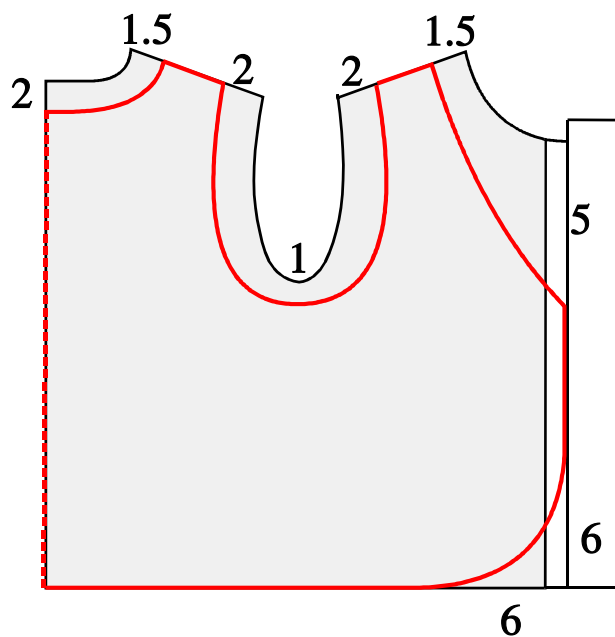
4.2. Phương pháp thiết kế:

Thân áo

Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 3cm làm đường đỉnh áo + 1cm gài nút + 27cm ngang áo.
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ: (giống như áo cài nút giữa)



4.3. Cách chừa đường may:

Khi cắt chừa đều xung quanh 0.7cm đường may.

4.4. Cách chừa đường may:

Đặt 2 lớp úp 2 bề mặt vào trong, bề trái ra ngoài. May một đường xung quanh thân áo, vòng cổ, vòng nách, chừa 4cm đầu vai để lộn ra bề mặt. Trước khi lộn bấm tất cả các đường cong sao cho không bị đứt chỉ may. Sau khi lộn ra bề mặt đường sườn vai lớp ngoài và lớp trong luôn hoặc vắt.

5. Áo tay raglan: (trẻ từ 3 đến 6 tháng)

5.1. Hình dáng:



5.2. Phương pháp thiết kế:

A. Thân áo

Cách xếp vải:

- Từ biên đo vào 2.5cm làm đường đỉnh áo+ 1cm gài nút + 27cm ngang áo.
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ:

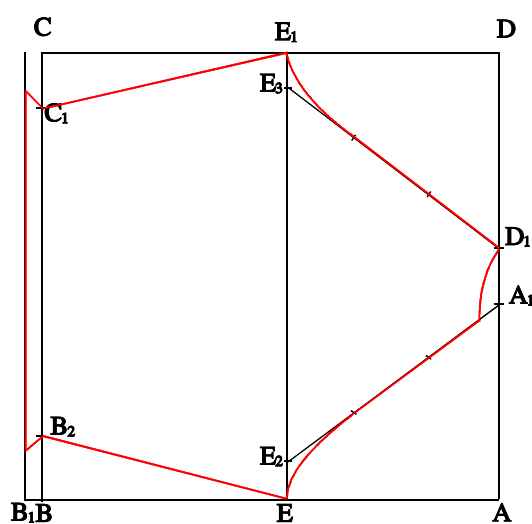
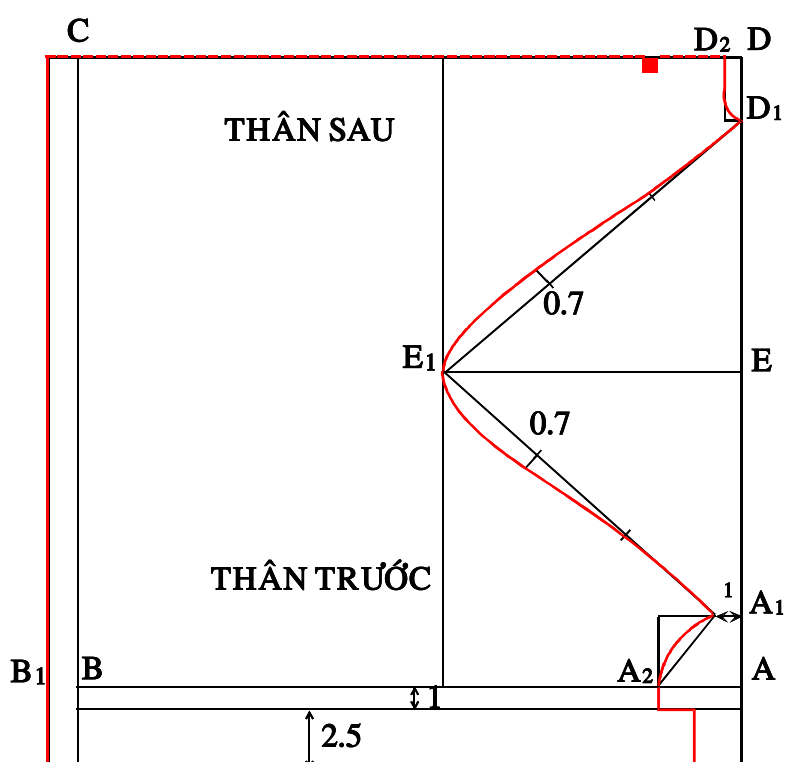
- Từ biên đo vào 2.5cm làm đỉnh áo
- Gài nút 1cm
- AB: Dài áo = 27cm
- BB₁:Lai áo=1cm
- BC=AD: Ngang áo= dài áo= 27cm
- E là trung điểm của AD
- EE₁: hạ nách = 12.5cm
- AA₁=Vào cổ TT – 1cm = 3.5cm
- DD₁=Vào cổ TS – 1cm =3.5cm
- DD₂=Hạ cổ TS- 0.5cm=1cm
- Nối tất cả các điểm lại với nhau

B. Tay áo

- Từ biên đo vào 1cm chứa đường may + ngang tay
- Xếp đôi vải bề trái ra ngoài

Cách vẽ

- AB: dài tay ráp lằng=dài áo=27cm
- BB₁: lai tay=1cm
- AD=BC: ngang tay= 26cm
- AA₁=DD₁=10.5cm
- AE=DE₁: hạ nách tay ráp lằng= hạ nách áo= 12.5cm
- EE₂=E₁E₃=2cm
- CC₁=BB₂=3cm
- Từ A₁ vào 0.7cm



5.3. Chừa đường may:

- Khi cắt vòng cổ, vòng nách chừa 0.5cm đường may.
- Sườn tay chừa 1cm
- Lai tay, lai áo vắt sổ không chừa đường may.

5.4. Qui trình may:

- Lên lai tay
- Ráp sườn tay
- Ráp tay vào thân
- Viền cổ áo (viền đẹp)
- Dựa vào thân trước, thân sau ta cắt nẹp cổ
- Làm khuy, kết nút

Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế áo cài nút giữa hãy thiết kế kiểu áo sơ sinh theo hình sau: (theo bảng ni mẫu trên)



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế áo sơ sinh một bên hãy thiết kế kiểu áo sơ sinh theo hình sau: (theo bảng ni mẫu trên)



Bài 1

PHƯƠNG PHÁP ĐO

1. Những phần cơ bản và kí hiệu trong hình vẽ:

Khi trải vải để vẽ luôn luôn để mặt phải nằm trong , mặt trái nằm ngoài.

Khi vẽ cổ , nách, tay áo và lưng quần nằm phía tay phải.

Khi vẽ lai áo, cửa tay và lai quần nằm phía tay trái.

Khi vẽ đường phấn phải vạt thật mảnh.

Vải xếp đôi quay về phía người cắt.

Các kí hiệu trong hình vẽ

STT	Nội dung	Hình vẽ
1	Biểu diễn các đoạn bằng nhau	
2	Biểu diễn một trị số	
3	Đường vải gấp đôi	
4	Vải canh xuôi (thẳng)	

5	Vải canh ngang	
6	Vải canh chéo	
7	Đến	
8	Bằng	
9	Song song	
10	Nét chính	
11	Nét phụ	

2. Phương pháp đo:

2.1. Phương pháp đo áo:

- Dài áo: đo từ chân cổ cạnh vai đến ngang hông (áo đầm đo từ chân cổ cạnh vai đến ngang gối, dài hay ngắn tùy ý)
- Ngang vai: đo từ đầu vai trái đến đầu vai phải (đo phía sau lưng)
- Vòng cổ: đo sát vòng chân cổ.
- Vòng ngực: đo quanh vòng ngực nơi to nhất.
- Vòng hông: đo quanh vòng hông nơi to nhất.
- Vòng nách: đo quanh vòng nách (khi đo chống tay lên hông).
- Dài tay ngắn: đo từ đầu vai đến giữa bắp tay.
- Dài tay dài: đo từ đầu vai đến cổ tay.
- Cuffs tay ngắn: đo quanh bắp tay cộng thêm cử động
- Cuffs tay dài: đo quanh cổ tay.
- Hạ eo: đo từ chân cổ cạnh vai phía trước đến ngang eo.

2.2. Phương pháp đo quần:

- Dài quần: đo từ ngang eo đến mắt cá chân.
- Hạ gối: đo từ ngang eo đến trên đầu gối 2 đến 3 cm.
- Vòng eo: đo sát quanh vòng eo.
- Vòng hông: đo quanh vòng hông nơi to nhất.

- Vòng ống: tùy ý

3. Số đo mẫu: (dùng để tham khảo)

Trích trong “ Bài học cắt may”-Nguyễn Duy Cẩm vân- Nhà xuất bản trẻ 2001

Tuổi \ Số đo	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13
Dài áo đầm	38	38	40	43	45	50	55	60	65	68	70	73	75
Dài áo kiểu	33	33	36	39	42	45	48	50	50	52	54	56	60
Hạ eo	19	19	20	21	23	24	25	25	26	26	28	28	30
Vai	22	22	24	24	26	26	28	28	28	30	30	30	32
Cổ	22	22	24	24	26	26	28	28	28	28	30	30	30
Vòng đầu	46	46	48	50	52	53	54	55	55	55	56	56	56
Ngực	46	46	50	52	54	56	58	58	60	62	64	66	68
Eo	46	46	50	52	52	54	54	55	55	56	57	58	60
Mông	46	46	50	52	55	58	60	62	64	66	68	70	72
Tay dài	24	26	28	30	32	32	35	38	40	40	42	44	46
Tay ngắn	08	08	10	10	11	11	12	12	13	13	13	14	14
Dài quần	44	46	48	52	55	58	62	65	70	75	80	85	90

Ghi chú:

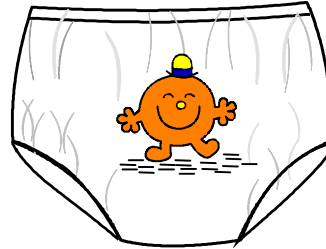
1. Hạ eo đo từ chân cổ đến thắt lưng. Nếu muốn eo cao thì đem lên từ 2 đến 5cm.
2. Đối với bé gái (từ 11 đến 13 tuổi):
 - Ngực bằng số đo trong bảng cộng thêm 1 đến 3cm.
 - Mông bằng số đo trong bảng cộng thêm 2 đến 8cm.
3. Đối với bé trai (từ 06 đến 13 tuổi): dài áo cộng thêm 2 đến 4cm
4. Cách tốt nhất để may đồ đẹp là phải đo trực tiếp trên cơ thể người. Trên đây là số liệu của trẻ phát triển trung bình. Trường hợp đặc biệt thì lấy số đo của trẻ em tuổi lớn hay nhỏ hơn để may.

Bài 2

QUẦN XI LÍP BÉ GÁI



1. Hình dáng:



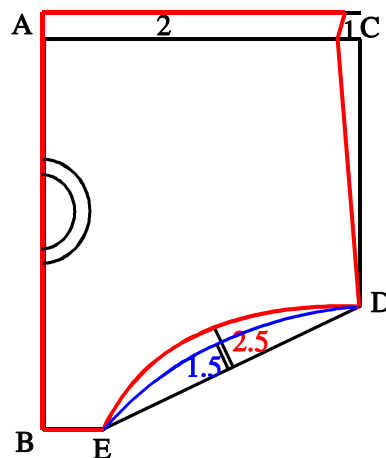
2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu:

- Vòng hông = 60cm

2.2. Cách vẽ:

- AB: dài quần = $\frac{1}{4}$ vòng hông + 6cm
- AC: ngang quần = $\frac{1}{4}$ vòng hông + 3cm
- BE = 3.5cm
- CD = $\frac{1}{4}$ vòng hông



2.3. Cách cắt và chừa đường may:

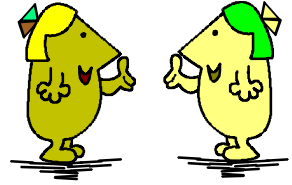
- Đường hông, đường đáy chừa 1cm đường may
- Vòng ống cắt sát theo đường phấn
- Lưng vắt sổ cắt sát

2.4. Qui trình may:

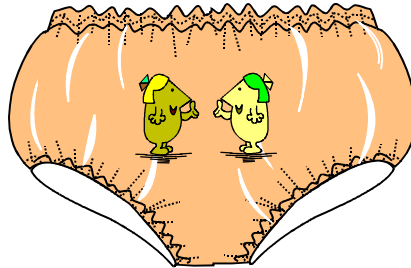
- Ráp sườn hông, vòng đáy
- Viền tròn hay viền dẹp vòng ống
- May lưng quần
- Luồn thun

Bài 3

QUẦN PHỒNG



1. Hình dáng:



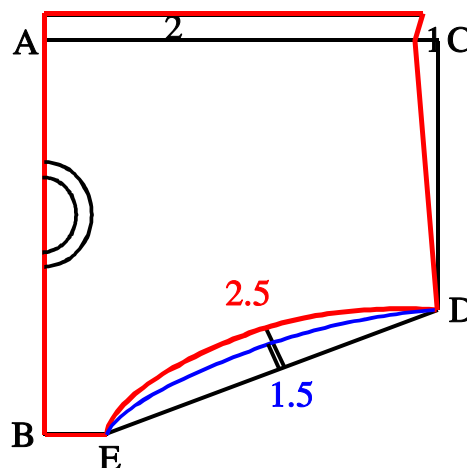
2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu:

- Vòng mông = 60cm

2.2. Cách vẽ:

- $AB = \text{dài quần} = \frac{1}{4} \text{ vòng mông} + 7\text{cm}$
- $AC = \text{ngang quần} = \frac{1}{4} \text{ vòng mông} + 8\text{cm}$
- $CD = \text{hạ đáy} = \frac{1}{4} \text{ vòng mông}$
- $BE = 3.5\text{cm}$



2.3. Cách cắt và chừa đường may:

- Khi cắt các đường ráp chừa 1 đến 1.5cm đường may.
- Đường viền chừa 0.5cm đường may
- Lưng vát sổ cắt sát

2.4. Qui trình may:

- Ráp sườn hông, vòng đáy
- Viền đẹp vòng ống và luồn thun vào ống
- May lưng quần
- Luồn thun

Bài tập : Từ công thức thiết kế quần phồng căn bản hãy thiết kế kiểu quần phồng theo hình sau: (theo bảng ni mẫu trên)

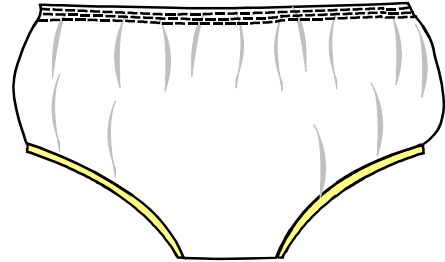
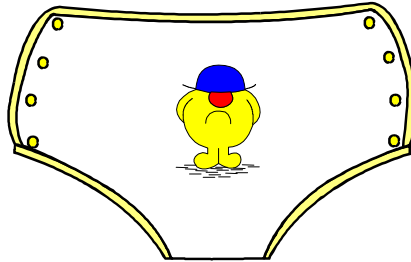


Bài 4

QUẦN XI LÍP KẾT NÚT



1. Hình dáng:



2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu:

- Vòng hông = 60cm
- Vòng eo = 52cm

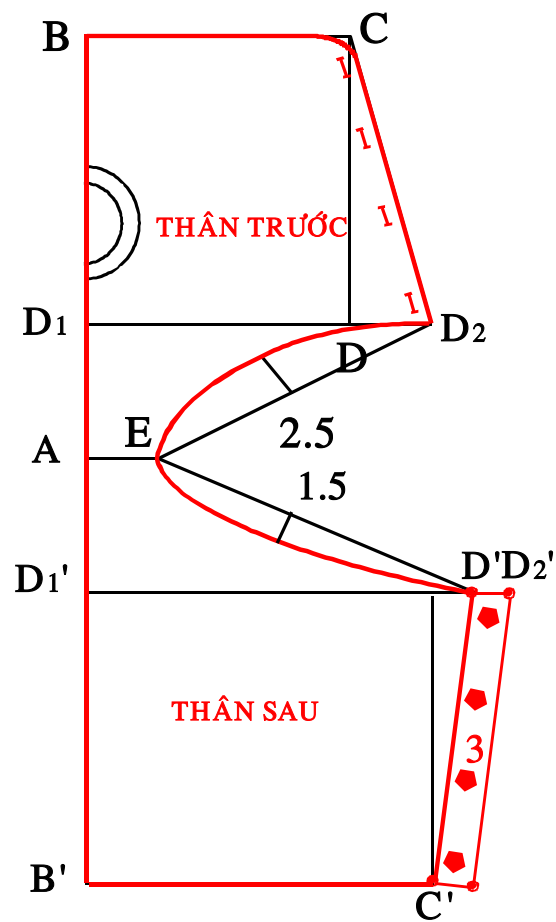
2.2. Cách vẽ:

THÂN TRƯỚC

- AB: dài quần = $\frac{1}{4}$ vòng hông + 6cm
- BC: ngang quần = $\frac{1}{4}$ vòng eo
- CD: hạ đáy = $\frac{1}{4}$ vòng hông
- D₁D₂: $\frac{1}{4}$ hông + 2cm
- AE = 3.5cm

THÂN SAU

- AB': dài quần = $\frac{1}{4}$ vòng hông + 6cm
- B'C': $\frac{1}{4}$ vòng eo + 4cm
- C'D': hạ đáy = $\frac{1}{4}$ vòng hông
- D₁'D₂': $\frac{1}{4}$ vòng hông + 4cm
- Chừa nếp nút thân sau 3cm



2.3. Cách cắt và chữa đường may:

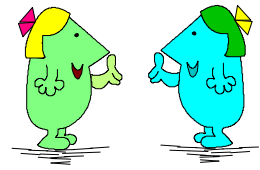
- Lưng và đường sườn thân trước chữa 3 li để viền.
- Lưng thân sau chữa 2cm để luồn thun
- Đường đáy chữa 1cm nếu có

2.4. Qui trình may:

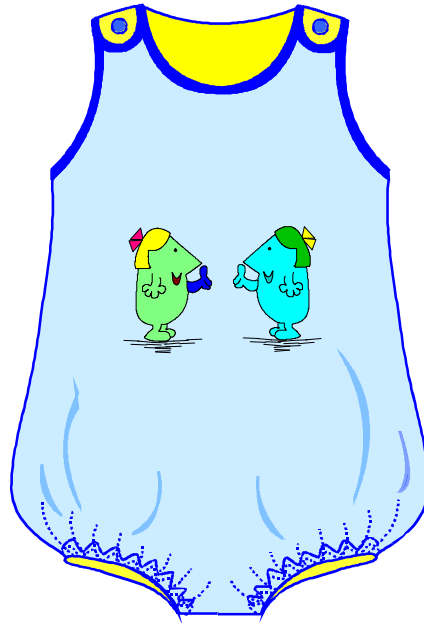
- Viền tròn hay viền dẹp đường lưng thân trước, sườn thân trước, vòng ống.
- Bế nẹp đính sườn thân sau, may lưng thân sau và luồn thun.
- Khuy thân trước, nút thân sau.

Bài 5

ÁO LIỀN QUẦN (KIỂU 1)



1. Hình dáng:



2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu:

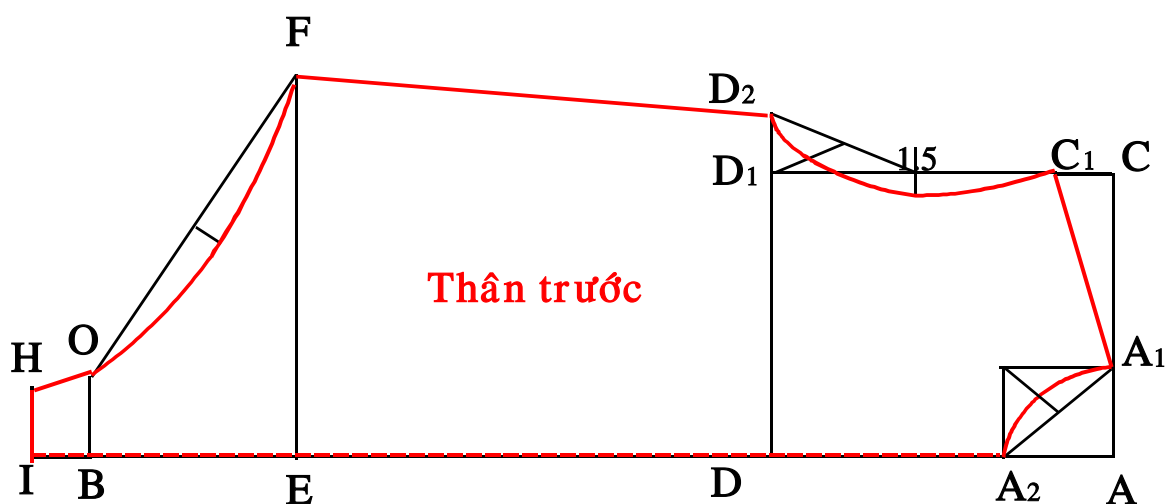
- Bề dài= 50cm
- Vòng cổ= 27cm
- Ngang vai= 28cm
- Vòng ngực =56cm
- Vòng hông= 60cm
- Vòng nách= 28cm

2.2. Cách vẽ:

THÂN TRƯỚC

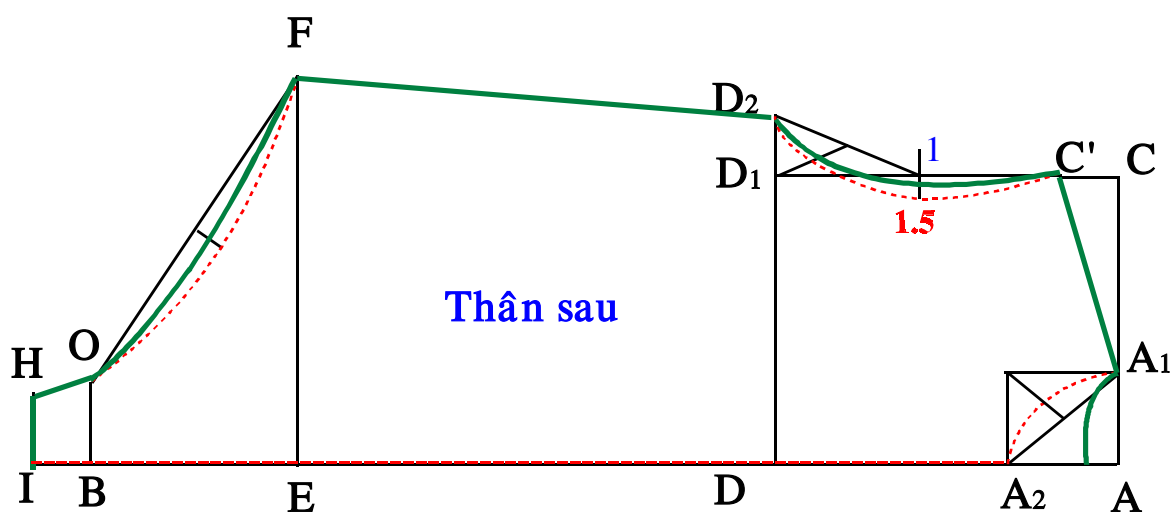
- AB: Bề dài chung = 50 cm
- AC: ngang vai = $\frac{1}{2}$ số đo
- AA₁: Vào cổ = $\frac{1}{6}$ vào cổ
- AA₂: Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ +1cm
- CC₁: hạ vai= $\frac{1}{10}$ vai
- C₁D₁: hạ nách = $\frac{1}{2}$ vòng nách
- DD₂ : $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 3cm
- BE= $\frac{1}{5}$ AB

- $EF = \frac{1}{4}$ vòng mông + 4cm
- $BO = 4\text{cm}$
- $BI = 3\text{cm}$
- $IH = 3.5\text{cm}$

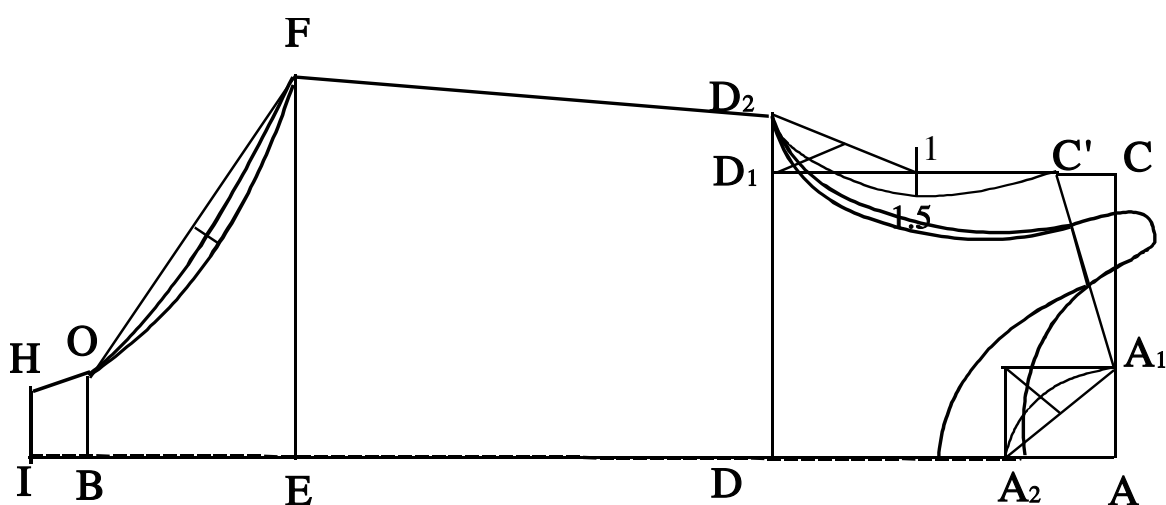


THÂN SAU

- Thân sau giống thân trước chỉ khác phần vai và vòng nách



ÁO LIỀN QUẦN BIẾN KIỂU



2.3. Cách cắt và chừa đường may:

- Vòng cổ, vòng nách chừa 3 li
- Đường sườn, đường đáy chừa 1cm

2.4. Qui trình may:

- Ráp đường sườn, đường đáy, viền tròn vòng nách liên tục đến vòng cổ.
- Viền đẹp vòng ống và luồn thun

Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế áo liền quần căn bản hãy thiết kế kiểu áo liền quần theo hình sau:



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế áo liền quần căn bản hãy thiết kế kiểu áo liền quần theo hình sau:



Bài tập 3 : Từ công thức thiết kế áo liền quần căn bản hãy thiết kế kiểu áo liền quần theo hình sau:

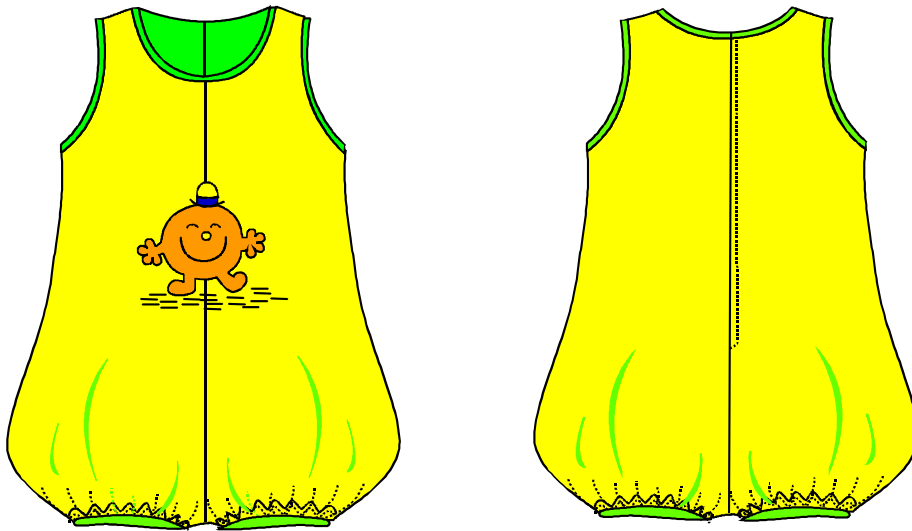


Bài 6

ÁO LIỀN QUẦN (KIỂU 2)



1. Hình dáng:

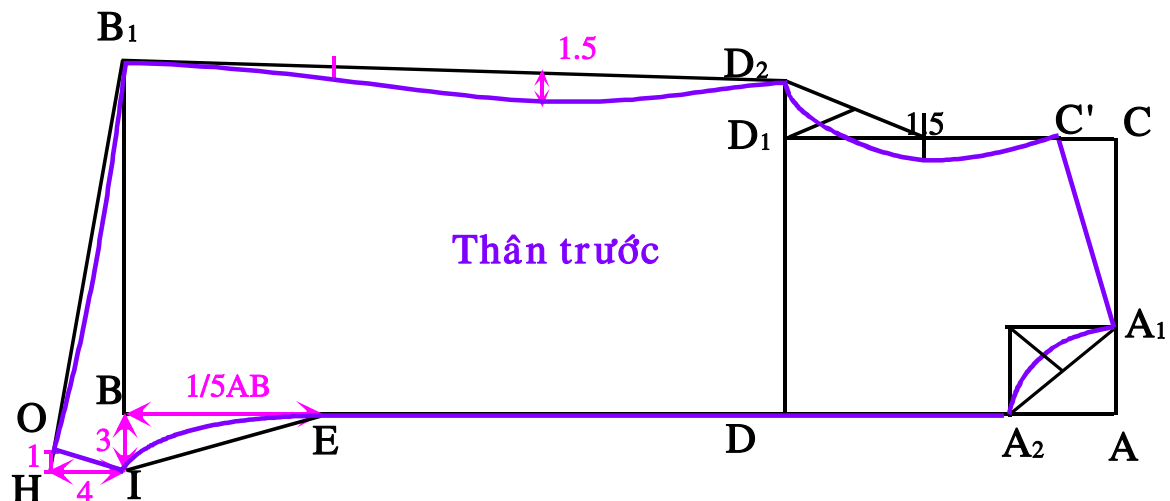


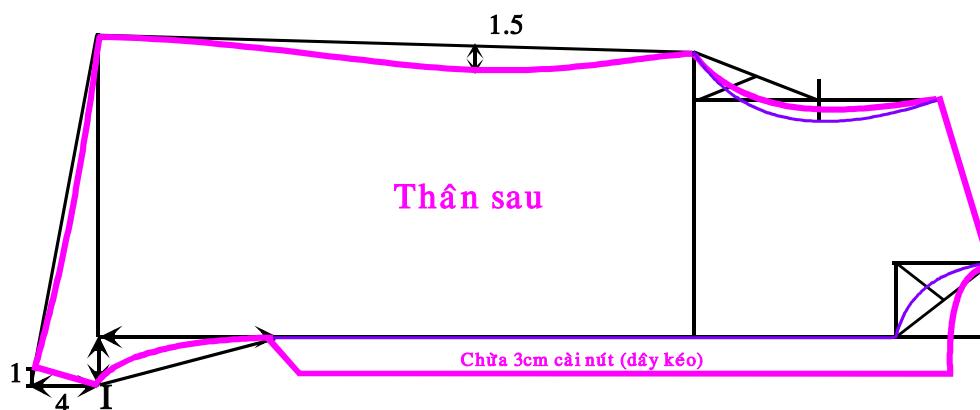
2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu: Giống kiểu 1

2.2. Cách vẽ: Giống kiểu 1, khác những phần sau:

- BB_1 : $\frac{1}{4}$ vòng mông + 3cm
- $BE = \frac{1}{5} AB$
- $BI = 3\text{cm}$
- $IH = 4\text{cm}$
- $HO = 1\text{cm}$





2.3. Cách cắt và chừa đường may:

- Vai, sườn hông, sườn ống chừa 1cm
- Vòng cổ, vòng nách chừa 6 li
- Vòng đáy thân trước và 1 phần của thân sau chừa 1cm, phần còn lại của thân sau chừa 3cm để làm nút

2.4. Qui trình may:

- Ráp sườn hông, sườn vai, viền đẹp vòng nách
- Ráp sườn ống
- Ráp vòng đáy từ trước ra sau
- Viền đẹp vòng cổ, vòng ống lật ra ngoài

Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế áo liền quần căn bản hãy thiết kế kiểu áo liền quần theo hình sau:



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế áo liền quần căn bản hãy thiết kế kiểu áo liền quần theo hình sau:

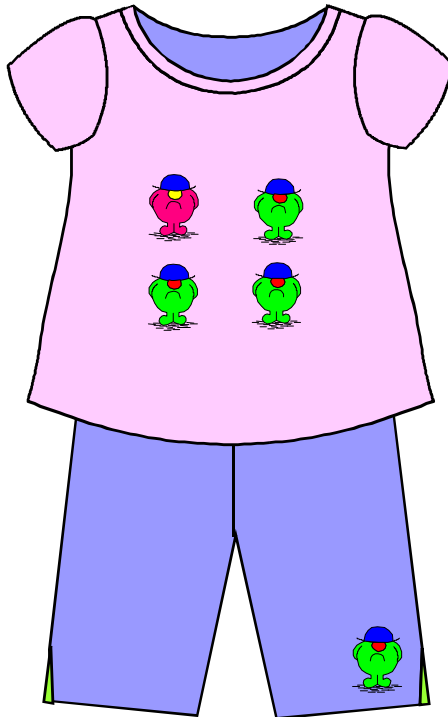


Bài 7

ĐỒ BỘ CĂN BẢN



1. Hình dáng:



2. Phương pháp thiết kế:

2.1. Ni mẫu:

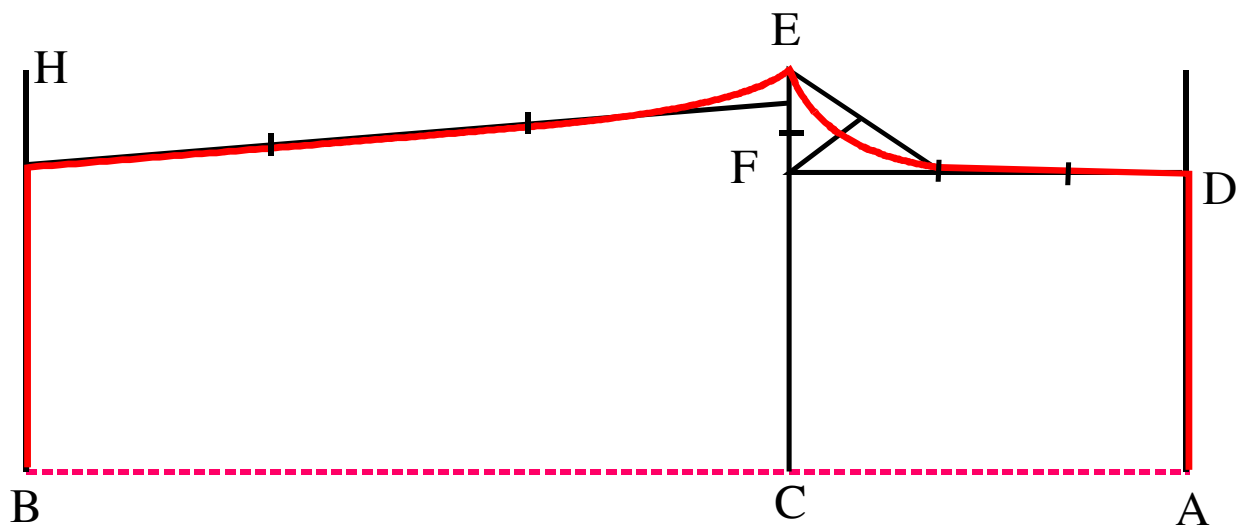
- Chiều dài quần :66cm
- Vòng ống: 18cm
- Chiều dài áo: 50 cm
- Vòng cổ: 30cm
- Ngang vai: 28cm
- Vòng ngực: 64cm
- Vòng hông: 66cm
- Vòng nách: 28cm
- Dài tay : 15 cm
- Cửa tay: 14cm

2.2. Phương pháp thiết kế:

A. Phương pháp thiết kế quần lưng thun

- AB: Dài quần = số đo chiều dài quần
- AC: Hạ đáy = $\frac{1}{4}M + 8$

- (hoặc $EF=4\text{cm}$)



B. Phương pháp thiết kế áo

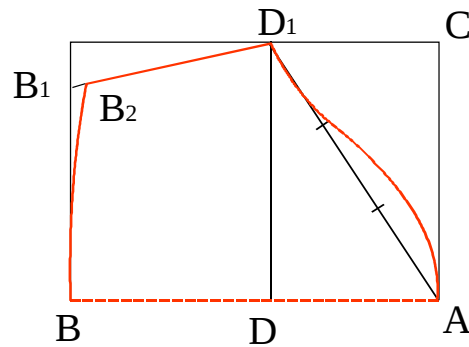
B1. Thân trước

Từ biên đo vào 3-4cm làm đỉnh áo, 1cm gài nút

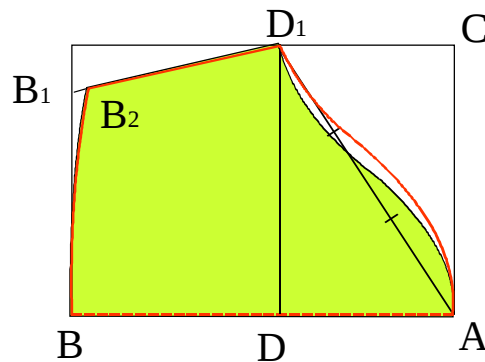
- AB: dài áo= số đo -2cm (chôm vai)
- AC: ngang vai = $\frac{1}{2}$ vai
- CC₁: hạ vai= $\frac{1}{10}$ ngang vai. Từ C₁ giảm sườn vai 0.5cm
- C₁D₂: Hạ nách = $\frac{1}{2}$ vòng nách – 2cm
- DD₁: Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 3cm
- BB₁: ngang hông= $\frac{1}{4}$ vòng hông + 3cm
- AA₁: Vào cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- AA₂: Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ + 1cm
- BB₂: sa vạt = 2.5cm
- B₁B₃: giảm sườn áo = 1cm
- B₃O: $\frac{2}{3}$ B₃D₁. Từ O đo vào 1.5cm

B3.Tay áo

- AB: Dài tay = Số đo dài tay
- AC= DD₁: Ngang tay= $\frac{1}{2}$ vòng nách + 1cm
- AD: hạ nách tay + $\frac{1}{10}$ vòng ngực + 3cm
- BB₁: cửa tay
- B₁B₂ : giảm sườn tay = 1 đến 1.5cm



Phương pháp giảm tay trước



2.3. Cách cắt và chừa đường may:

A. Quần :

- Vòng đáy, đường sườn chừa 1cm.
- Lưng chừa 2cm để luồn thun
- Lai chừa 1cm

B. Áo :

- Sườn áo, sườn vai, sườn tay chừa 1.5cm
- Vòng nách áo, vòng nách tay chừa 0.7cm
- Vòng cổ chừa 0.5 cm
- Lai áo, lai tay chừa 1cm

2.4. Qui trình may:

A. Quần :

- Ráp sườn ống.
- Ráp vòng đáy từ trước ra sau

- May lưng
- Lên lai
- Luồn thun

B. Áo :

- Ráp sườn vai
- Cắt và may nẹp cổ
- May sườn thân
- Lên lai tay
- May sườn tay
- Ráp tay vào thân
- Lên lai
- Làm khuy kết nút

Bài tập: Thiết kế bộ đồ bé gái sau



Bài 8

CÁC DẠNG BÂU ÁO

Bâu áo là phần vải rời được ráp vào vòng cổ thân áo để tạo thành kiểu áo.

Có nhiều loại baju áo được thực hiện dưới nhiều dạng khác nhau. Cơ bản là các loại baju: Baju lọ, baju lá sen, baju cánh én, baju xây, baju lính thủy, baju sam...

Các loại baju trên có thể thực hiện cho các kiểu thân áo dạng thời trang

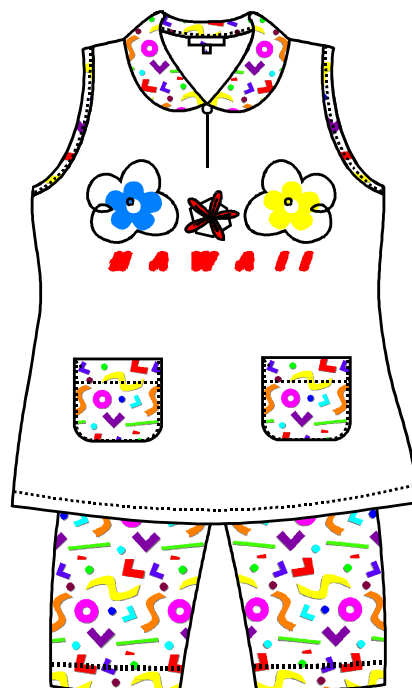


1. Baju lá sen:

- Là loại baju lật, có một phần chân baju đứng ôm theo chân cổ nên còn được gọi là baju lá sen đứng.
- Đường chân baju cong, lõm vào theo nhiều dạng cong của cổ áo.
- Đầu baju có thể thay đổi theo nhiều dạng khác nhau: cong, vuông, nhọn.
- Đây là loại baju cơ bản và phổ biến nhất được dùng cho nhiều kiểu áo nữ và trẻ em.
- Cổ áo này hợp với dạng cổ tròn căn bản hoặc cổ khoét sâu dạng chữ V. Baju lá sen đứng không hợp với cổ tròn dạng rộng (Vì phần chân baju không được ôm theo chân cổ)

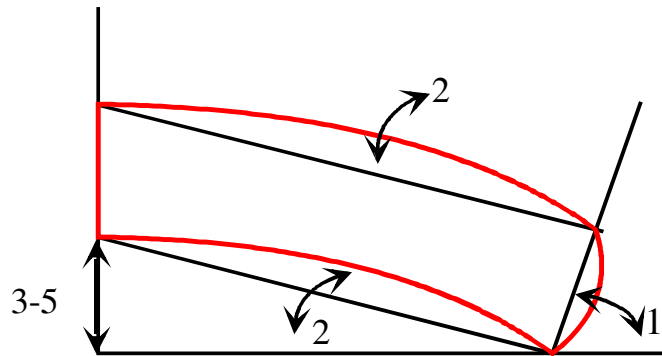
1.1. Baju lá sen đứng:

Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

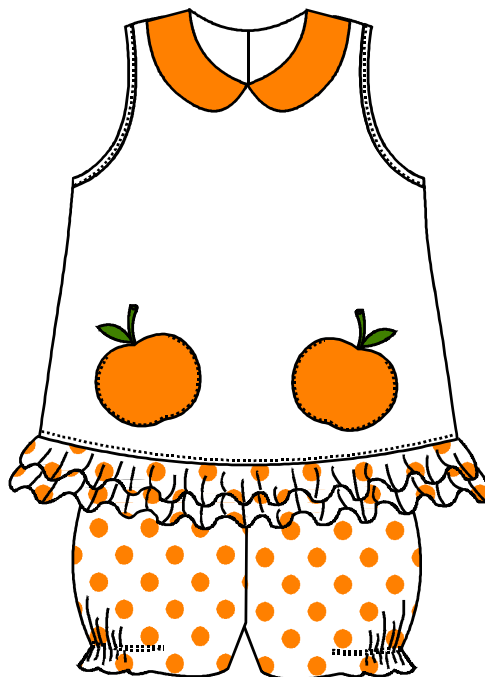
- Chiều cao bâu 5 đến 8cm (tùy ý)
- Dài chân bâu = vòng cổ trên thân áo (không tính phần gài nút nếu có)
- Đầu bâu có thể thay đổi theo ý thích



1.2. Bâu lá sen nằm:

- Là loại bâu lật nằm sát trên thân áo, đường chân bâu đồng dạng với đường cổ thân áo.
- Cánh bâu có thể thay đổi theo nhiều dạng khác nhau, tương tự như bâu lá sen nhưng không có phần đứng mà hoàn toàn nằm êm theo đường cổ thân áo nên bâu này được gọi là bâu sen nằm.

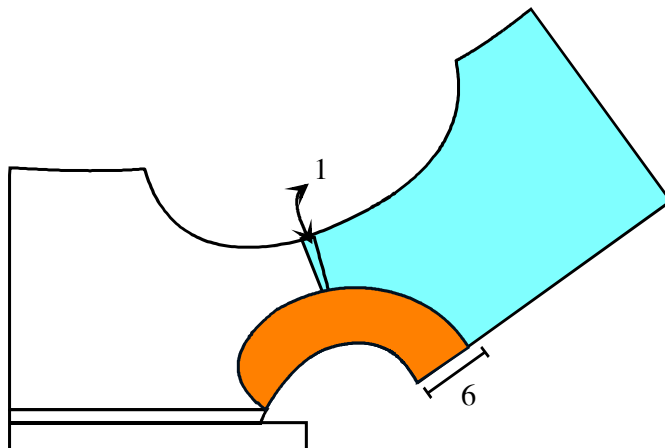
Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

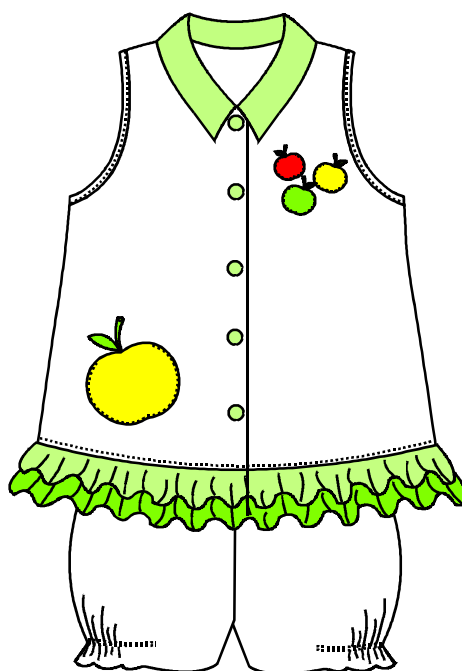
Đặt vai thân trước chồng lên vai thân sau theo cách:

- Điểm cổ trùng nhau
- Điểm vai đặt chồm qua nhau khoảng 1 đến 1.5cm



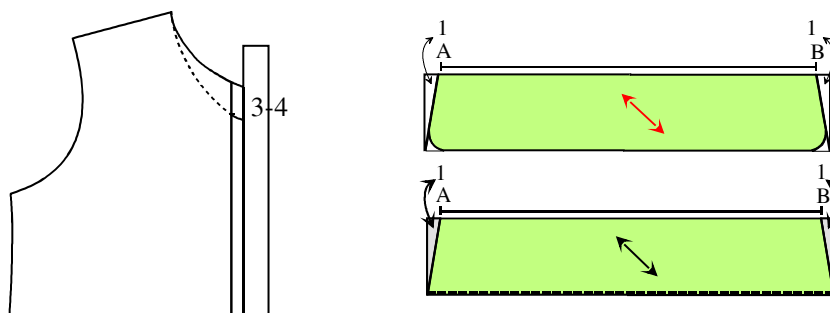
1.3. Bâu lá sen nhật:

Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

Từ vòng cổ căn bản khoét sâu thêm từ 3 đến 4cm.



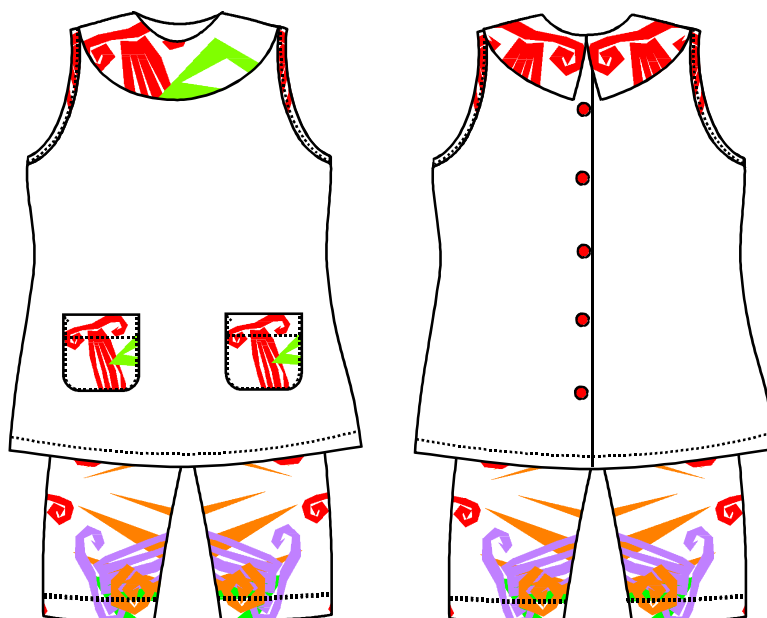
- Bâu áo:
- AB vòng cổ đo trên áo
 - Bản cổ 5 đến 7cm

2. Bâu xây:

- Thiết kế giống bâu sen nằm , nhưng kiểu dáng giống như kiểu xây trẻ em nên bâu có tên gọi là bâu xây.
- Bâu này hợp với các dạng cổ: cổ tròn căn bản, cổ tròn hở rộng, cổ chữ V, cổ trái tim.

2.1. Bâu xây tròn:

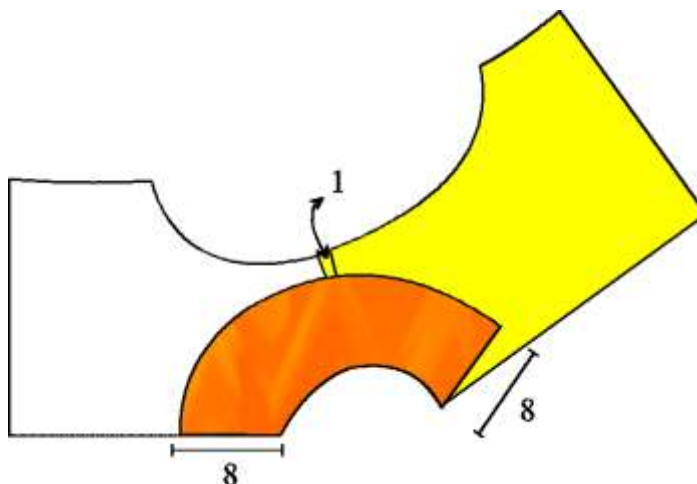
Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

Đặt vai thân trước chồng lên vai thân sau theo cách:

- Điểm cổ trùng nhau
- Điểm vai đặt chồm qua nhau khoảng 1 - 1.5cm



2.2. Bâu lính thủy

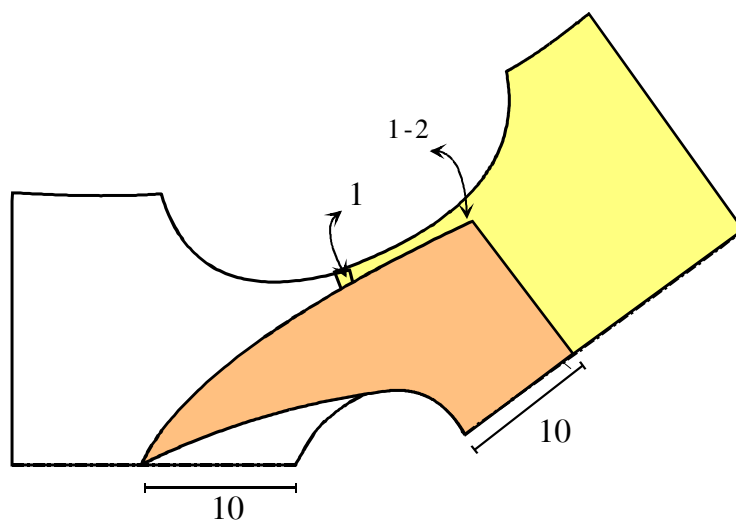
Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

Đặt vai thân trước chồng lên vai thân sau theo cách:

- Điểm cổ trùng nhau
- Điểm vai đặt chồm qua nhau khoảng 1- 1.5cm



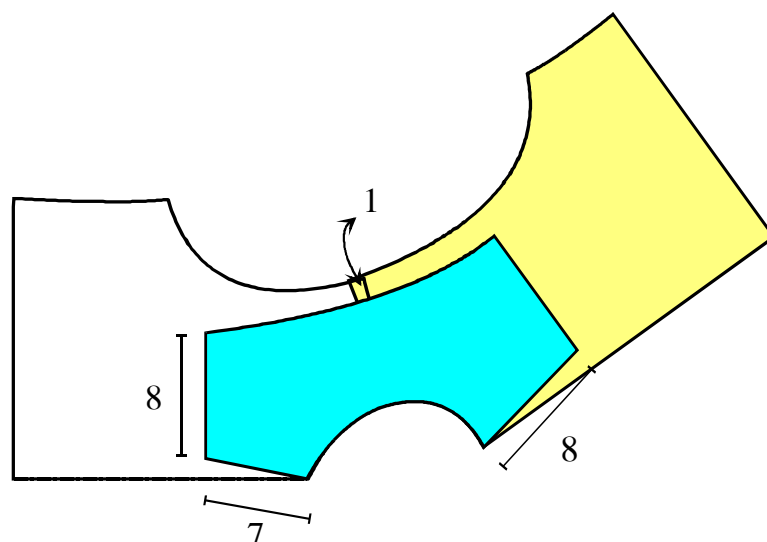
2.3. Bâu vuông

Hình dáng:



Phương pháp thiết kế:

- Đặt vai thân trước chồng lên vai thân sau theo cách:
- Điểm cổ trùng nhau
- Điểm vai đặt chồm qua nhau khoảng 1 – 1.5 cm



Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu áo theo hình sau:



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế 2 kiểu áo theo hình sau:



Bài tập 3 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế 2 kiểu áo theo hình sau:

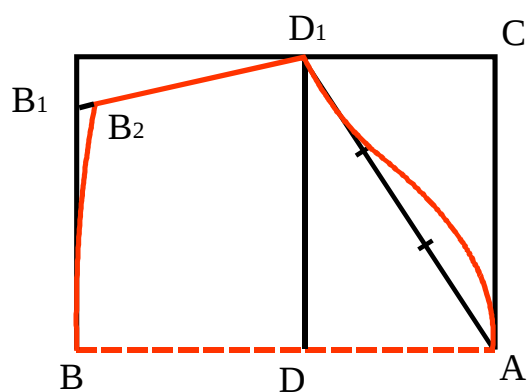


Bài 9

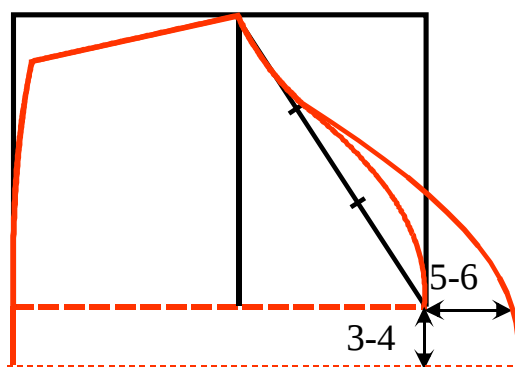
CÁC DẠNG TAY ÁO



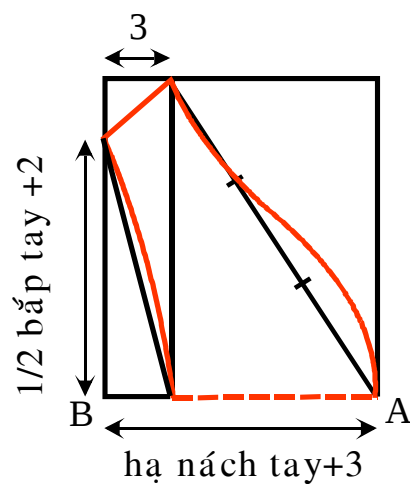
1. Tay thường:



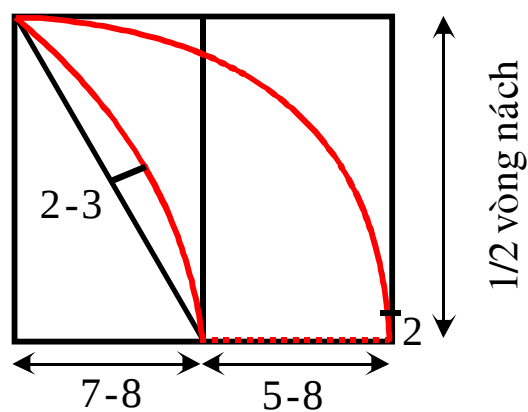
2. Áo tay phồng:



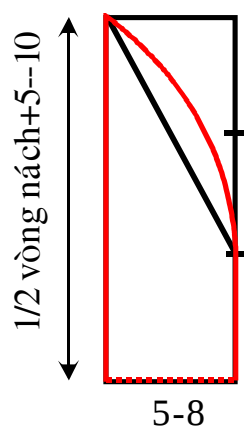
3. Áo tay hắt:



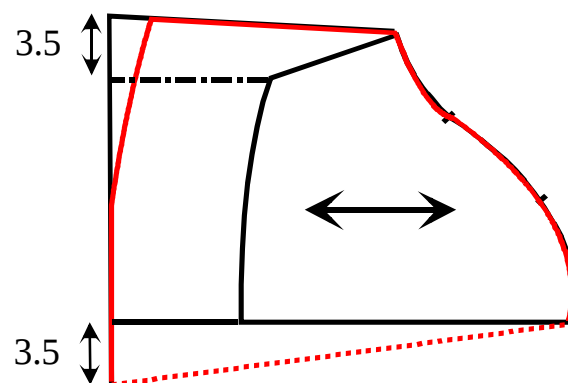
4. Áo tay cánh tiên (kiểu 1):



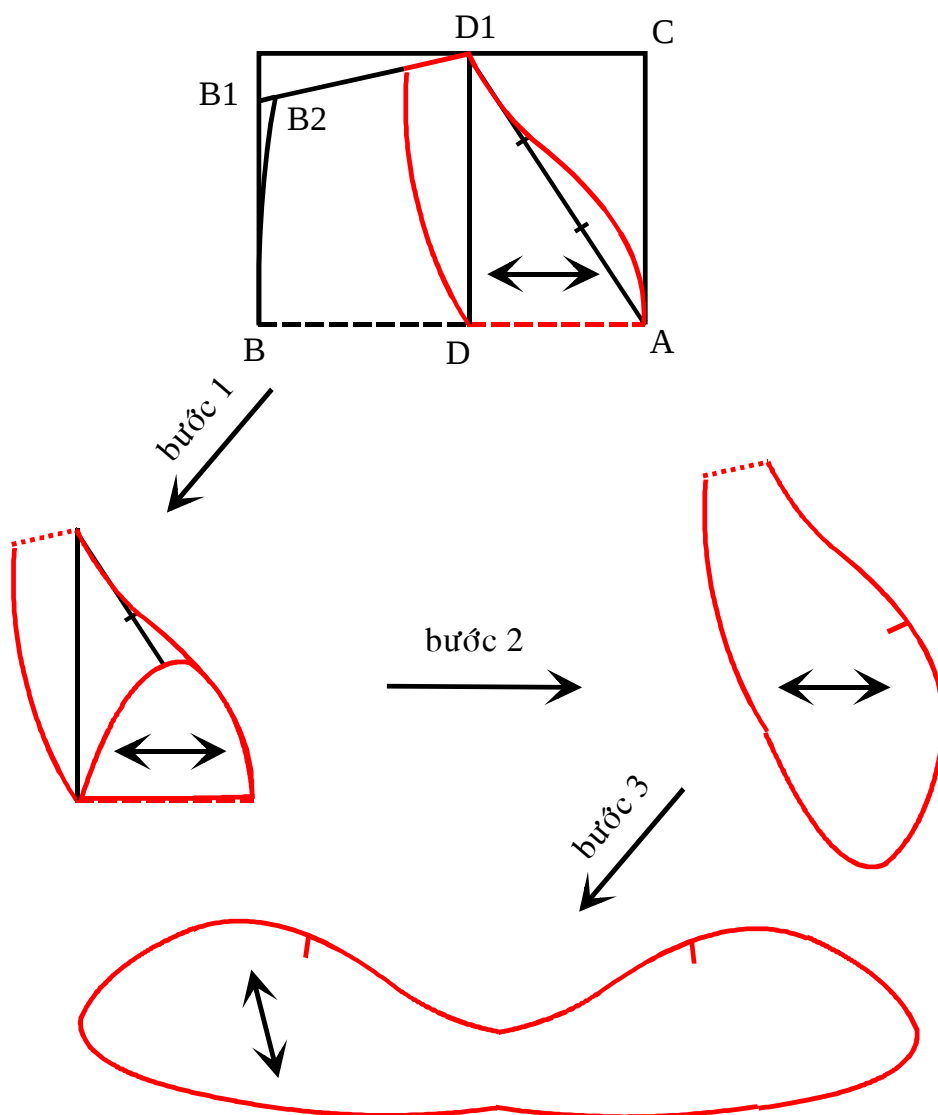
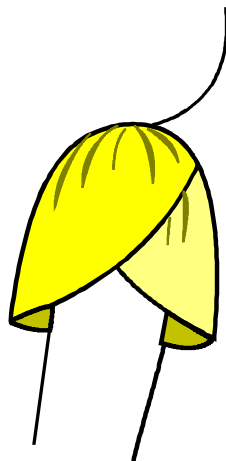
5. Áo tay cánh tiên (kiểu 2):



6. Áo tay loa rũ:



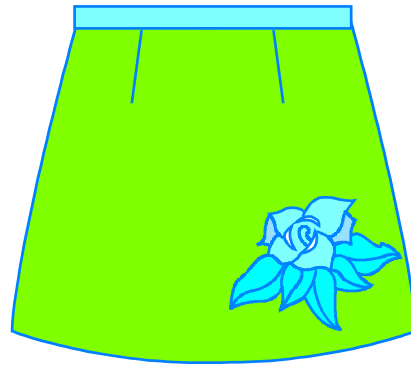
7. Áo tay cánh hồng:



Bài 10

CÁC DẠNG VÁY

1. Váy căn bản:



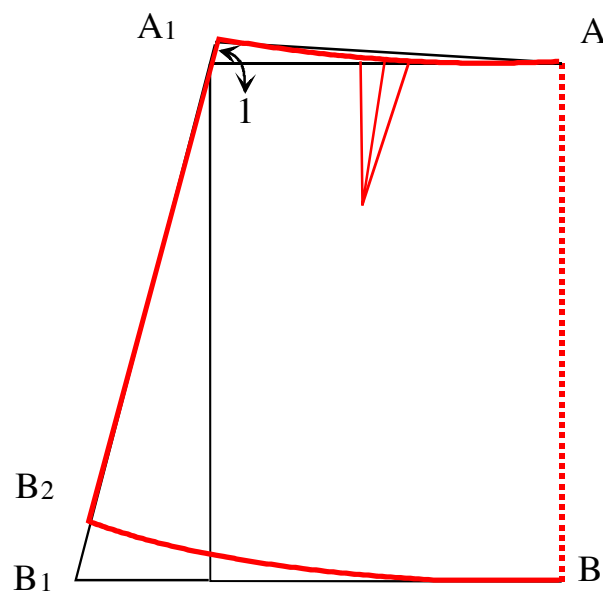
1.1. Ni mẫu:

- Dài váy: 40cm
- Vòng eo: 60cm
- Vòng hông: 80cm

1.2. Phương pháp thiết kế:

A. Thân váy:

- AB: Dài váy = Số đo - 2cm.
- AA₁: Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo + 3 đến 4cm.
- BB₁: Ngang lai = $(\frac{1}{4} \text{ vòng eo} + 3 \text{ đến } 4\text{cm}) + 10 \text{ cm}$ dún.
- B₁B₂: Giảm lai = 3 cm.



B. Lưng:

- AB: Dài lưng= số đo lưng
- BC: Chiều cao lưng = 2cm



1.3. Cách cắt và chừa đường may:

- AB là vải xếp đôi.
- Lưng, sườn chừa 1cm đường may.
- Lai chừa 2cm.

1.4. Qui trình may:

- Xếp pli.
- Ráp sườn thân chừa 15 cm gắn dây kéo.
- May lưng và ráp lưng vào thân
- Lên lai kết móc.

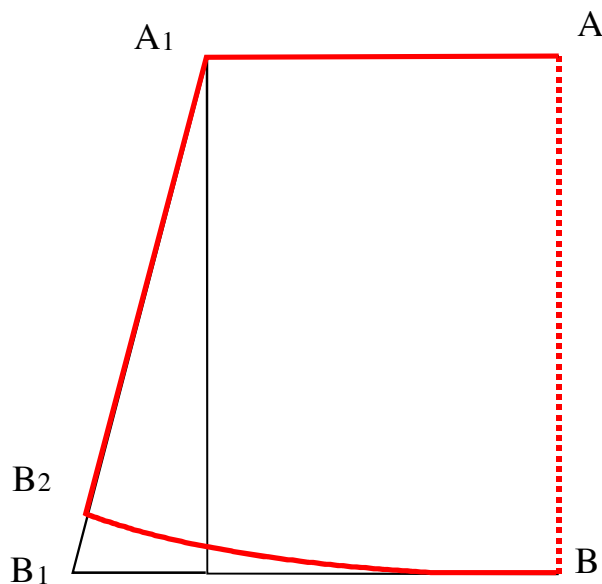
2. Váy lưng thun:

1.5. Ni mẫu:

- Dài váy: 45cm
- Vòng hông: 82cm

1.6. Phương pháp thiết kế:

- AB: Dài váy=Số đo
- AA₁: Ngang eo = 1/4 vòng hông + 3 đến 4cm.
- BB₁: Ngang lai = (1/4 vòng eo + 3 đến 4cm) + 10 cm dún.
- B₁B₂: Giảm lai = 3 đến 5 cm.



1.7. Cách

cắt và

chừa đường may:

- AB là vải xếp đôi.
- Lưng, sườn chừa 1cm đường may.
- Lai chừa 2cm.

1.8. Qui trình may:

- Ráp sườn thân.
- May lưng và may thun.
- Lên lai.

3. Váy short:

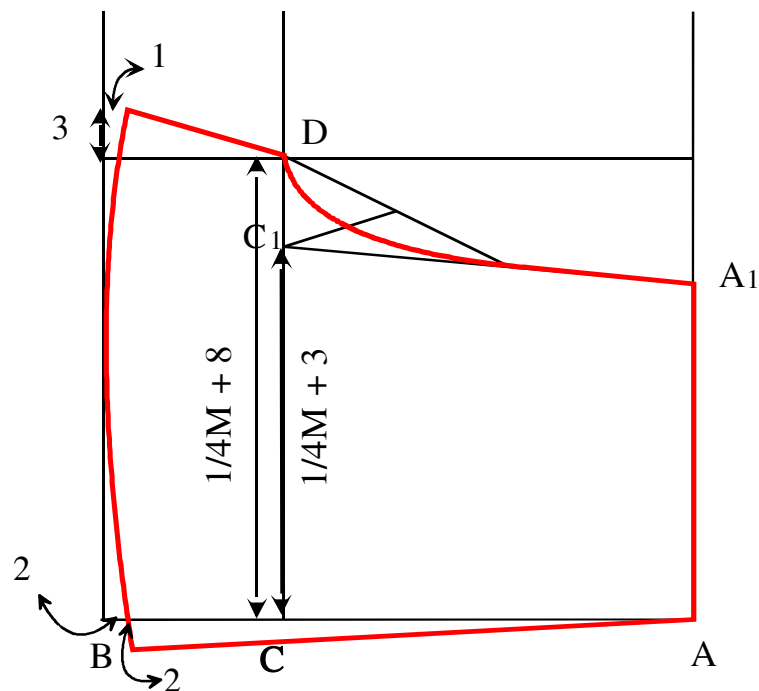
1.9. Ni mẫu:

- Dài quần: 45cm
- Vòng eo: 58 cm
- Vòng mông: 76 cm

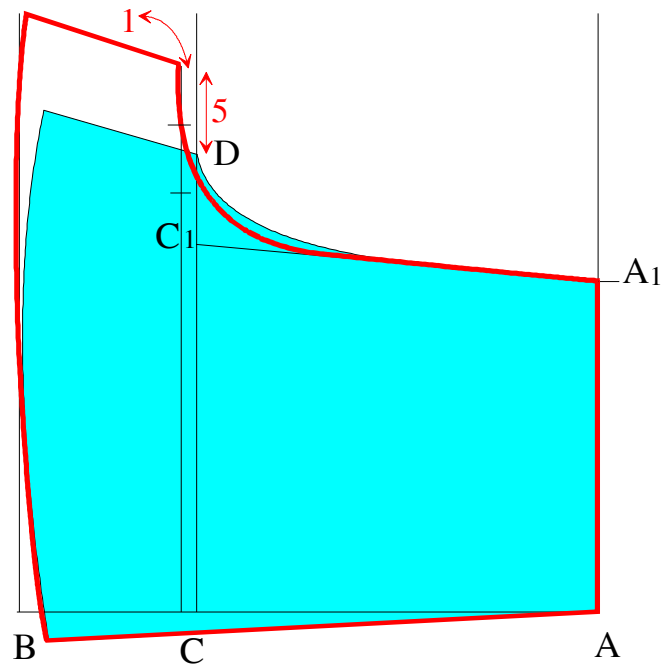
1.10. Phương pháp thiết kế:

Thân trước:

- Dài váy = Số đo.
- Hạ đáy = $\frac{1}{4}$ vòng mông + 5 đến 6cm.
- Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng mông + 2cm
- Ngang đáy = $\frac{1}{4}$ vòng mông + 8cm



Thân sau:



1.11. Cách cắt và chữa đường may:

- Vòng đáy, sườn ống chứa 1cm đường may.
- Lai chữa 2cm.
- Lưng chữa 3cm luồn thun.-

1.12. Qui trình may:

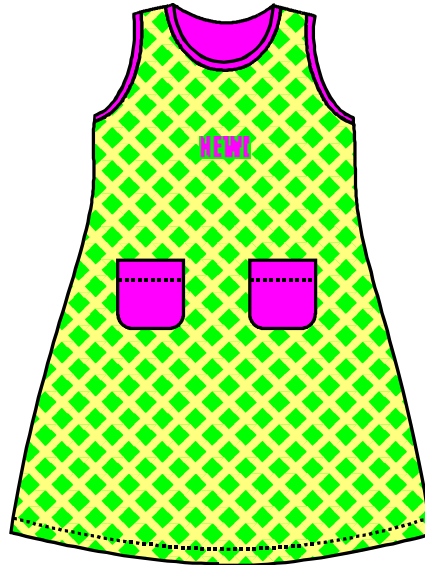
- Ráp sườn thân.
- Ráp sườn đáy.
- May lưng và may thun.
- Lên lai.

Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế 2 kiểu váy theo hình sau:



Bài 11: CÁC DẠNG ĐẦM

1. Đầm liền căn bản:



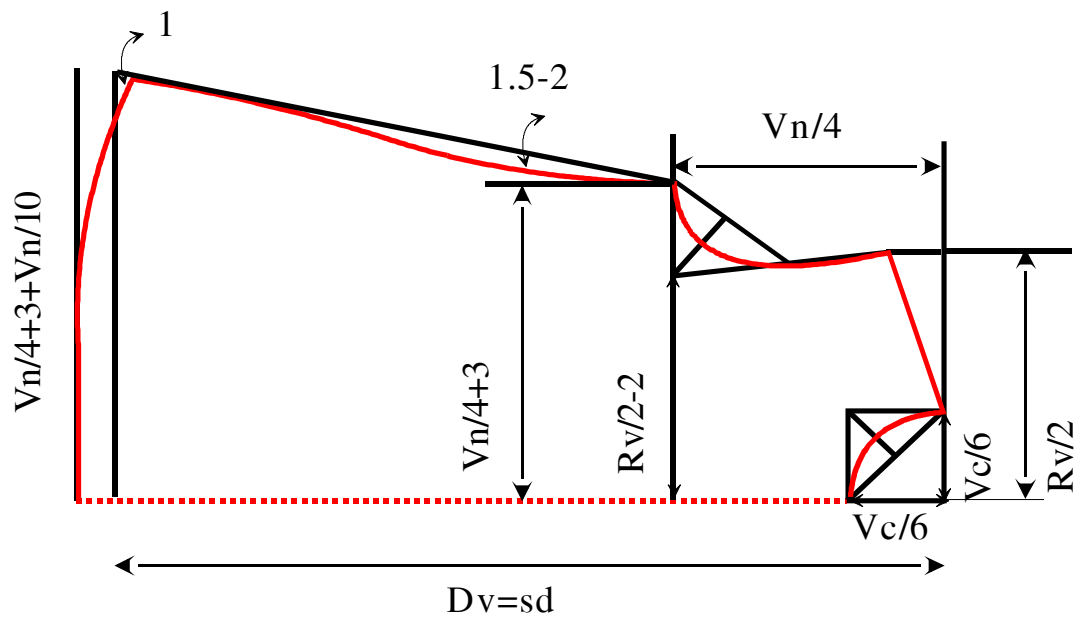
1.13. Ni mẫu:

- Chiều dài đầm: 40 cm
- Rộng vai: 24cm
- Vòng cổ: 25cm
- Vòng ngực: 48cm
- Sa vạt: 2cm

1.14. Phương pháp thiết kế:

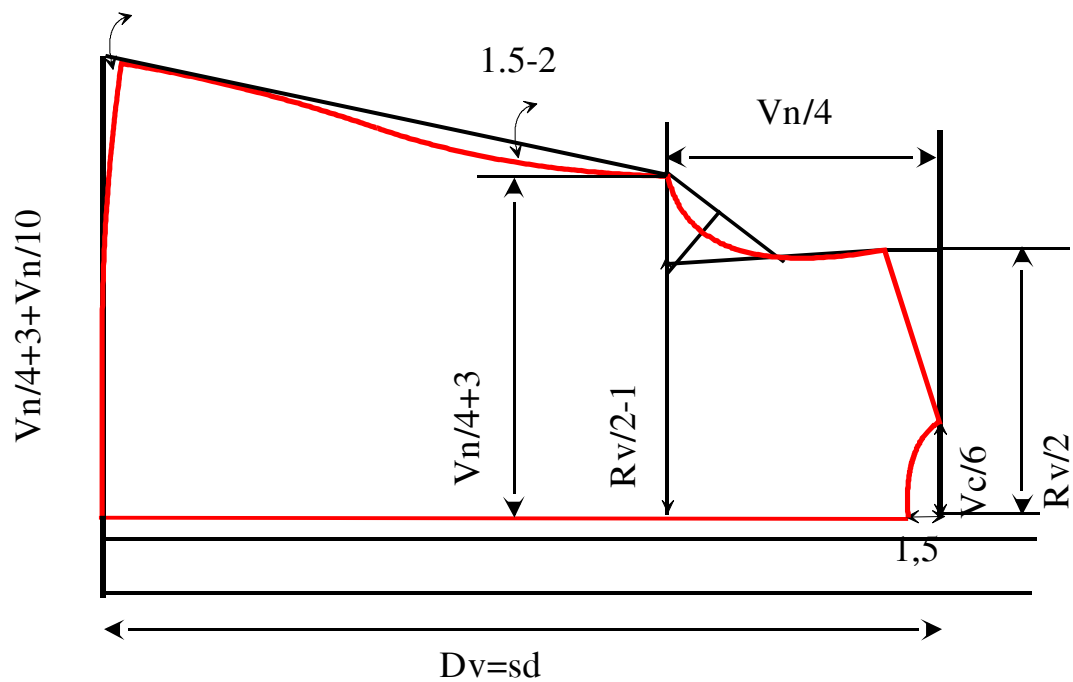
A. Thân trước

- Dài váy = số đo
- Sa vạt = 2cm
- Hạ nách (hạ ngực) = $\frac{1}{4}$ vòng ngực
- Rộng cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- Rộng vai = $\frac{1}{2}$ số đo rộng vai
- Hạ xuôi vai = $\frac{1}{10}$ rộng vai
- Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ ngực + 3cm
- Rộng thân váy = ngang ngực + $\frac{1}{10}$ ngực



B. Thân sau

- Dài váy = số đo
- Hạ nách (hạ ngực) = $\frac{1}{4}$ vòng ngực
- Rộng cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- Hạ cổ = 1,5cm
- Rộng vai = $\frac{1}{2}$ số đo rộng vai
- Hạ xuôi vai = $\frac{1}{10}$ rộng vai
- Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ ngực + 3cm
- Rộng thân váy= ngang ngực + $\frac{1}{10}$ ngực



2. Đầm có đường ráp trên eo:

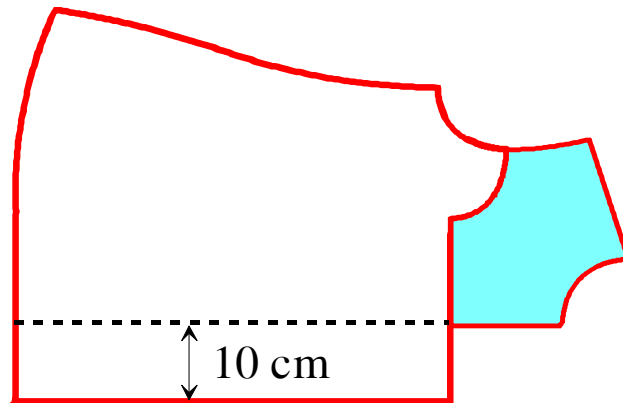
Trên đầm liền thân, ta tách làm 2 phần thân trên và thân dưới, đường giới hạn giữa 2 phần có nhiều dạng: thẳng, cong, góc nhọn,... Thân dưới nếu muốn dún hay xếp plis thì ta cộng thêm độ rộng ít nhất là 5cm.

2.1. Đầm có đường ráp trên eo (đề cúp thẳng):

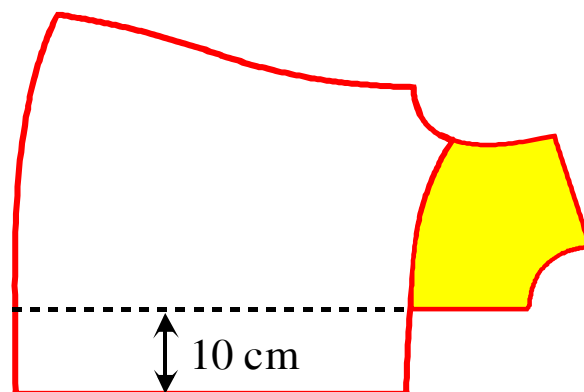


2.2. Đầm có đường ráp trên eo (đề cúp vuông):





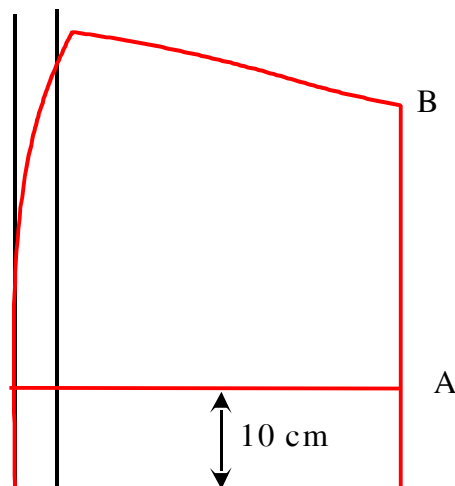
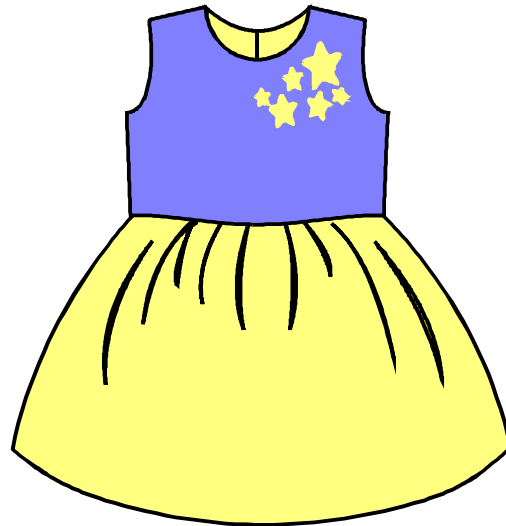
2.3. Đầm có đường ráp trên eo (đề cúp tròn):



3. Đầm có đường ráp ngang eo:

Trên áo đầm liền thân ta tách làm 2 phần, đường tách nằm ngay vị trí hạ eo. Thân trên giữ nguyên, phần dưới chia thành nhiều dạng khác nhau.

3.1. Thân dưới thẳng có dún:



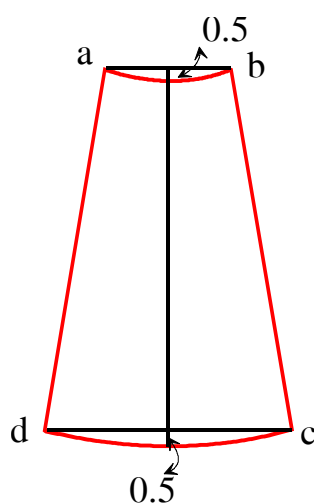
3.2. Thân dưới hình thang ghép:



bc: chiều dài thân trước

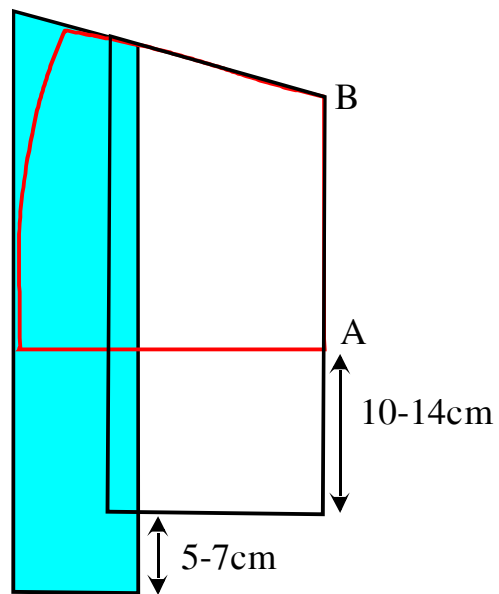
$ab = \frac{1}{2} AB$ (nếu ghép 4 miếng)

cd: gấp 2-3 lần ab

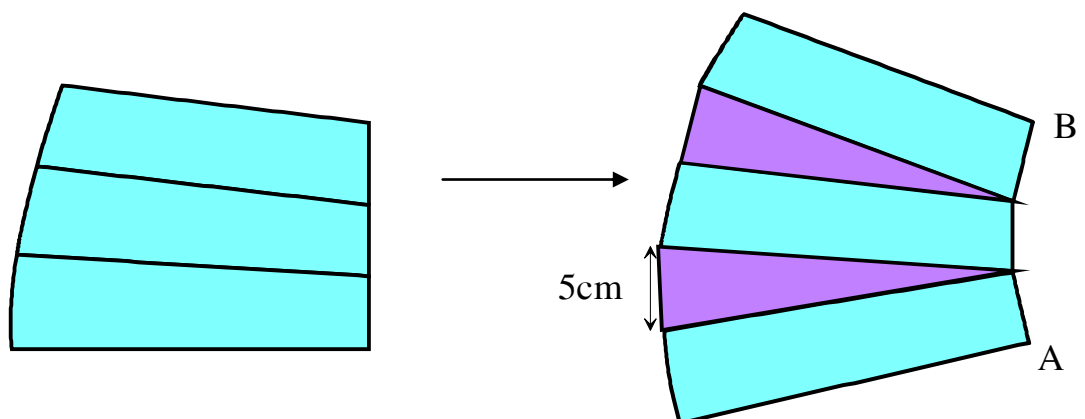


3.3. Đầm dún tầng:

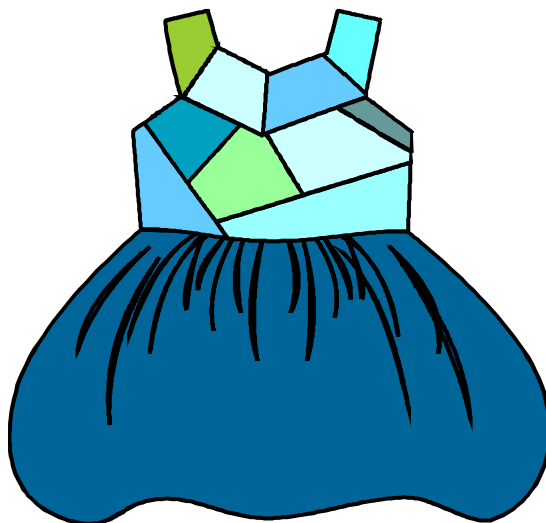




3.4. Thân dưới thẳng có ghép hình tam giác:



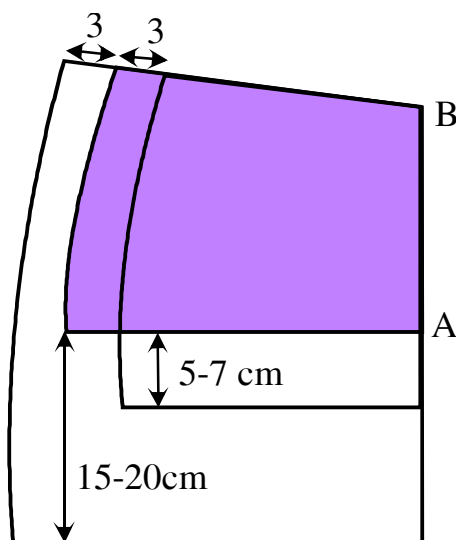
3.5. Thân dưới hình quả bí



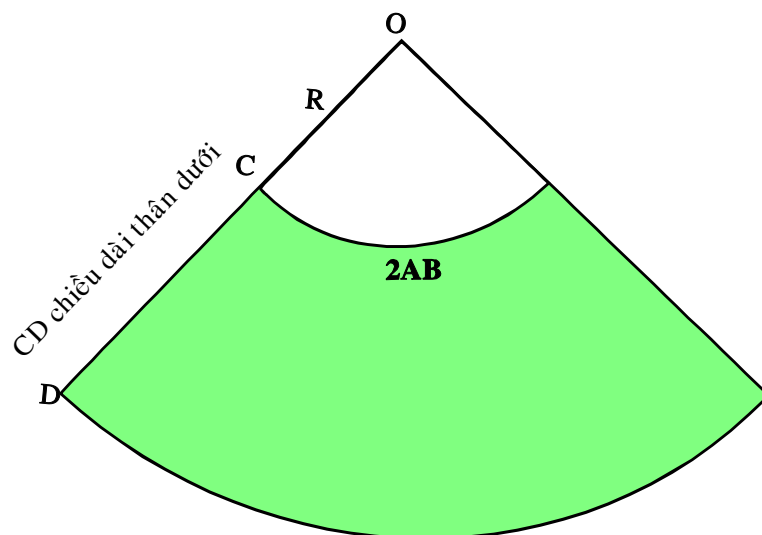
Thân dưới gồm 2 phần: Phần trong và phần ngoài. Chiều dài phần trong ngắn hơn chiều dài phần ngoài 6cm. (chiều dài phần trong bằng chiều dài chính trừ 3cm, chiều dài phần ngoài bằng chiều dài chính cộng 3cm)

Độ dún của phần trong là 5cm, độ dún của phần ngoài là 15-20cm

Ngay vị trí đường eo của thân dưới (AB) ta rút dún để bằng với đường eo của thân trên (cả 2 phần trong và ngoài).

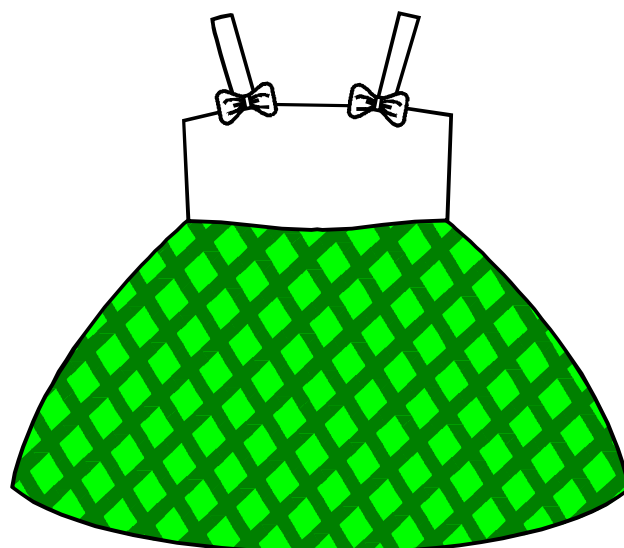


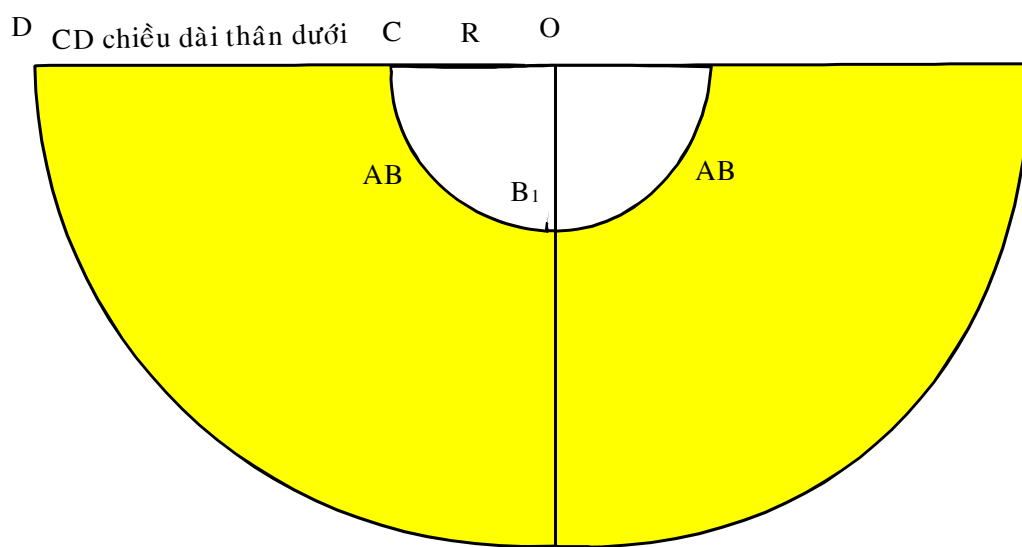
3.6. Thân dưới hình bán nguyệt:



- $R = \frac{4}{3} AB$

3.7. Thân dưới hình tròn:





- $R = \frac{2}{3} AB$

4. Đầm có đường ráp dưới eo:

Từ áo đầm liền thân ta tách làm 2 phần: Phần trên và phần dưới, đường tách sẽ nằm dưới eo cách đường hạ eo khoảng 1/10 mông

Phần dưới có nhiều dạng: xếp plis, rút dún, dún tầng, hình bán nguyệt, hình tròn, Cách thiết kế cũng giống như phần dưới của áo đầm có đường ráp ngang eo.

Phương pháp thiết kế phần trên



Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế 2 kiểu đầm theo hình sau:



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu đầm theo hình sau:

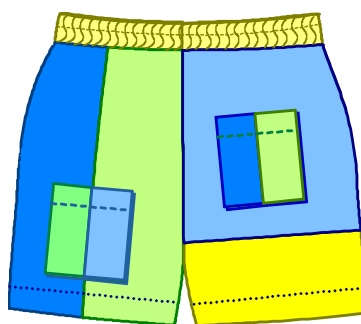


Bài 1

CÁC DẠNG QUẦN SHORT

1. Quần đùi:

1.1. Hình dáng:



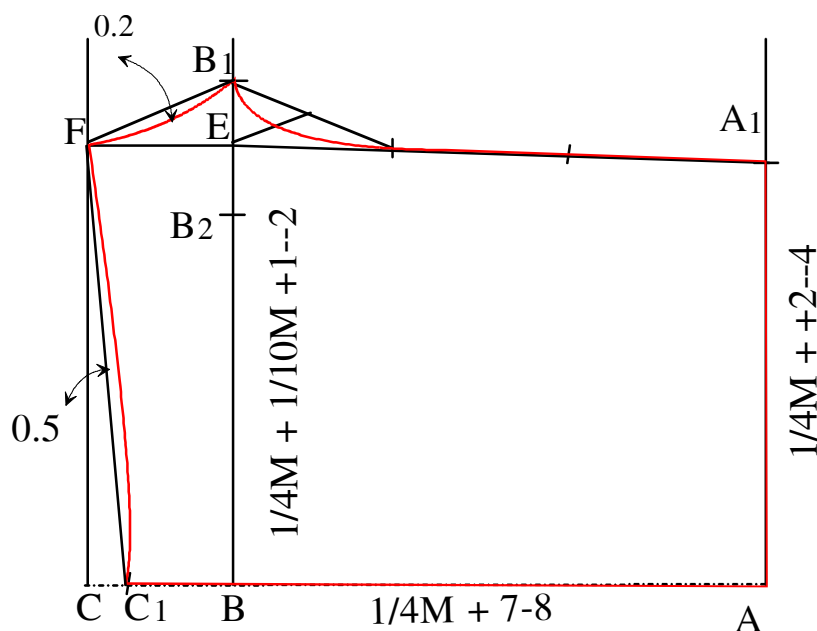
1.2. Phương pháp thiết kế:

A. Ni mẫu:

- Vòng mông = 56 cm
- Vòng eo = 52 cm

B. Cách vẽ:

- AB: Hạ đáy = $\frac{1}{4}$ v.mông + 7 đến 8cm
- AA₁: Ngang mông = $\frac{1}{4}$ v.mông + 2 đến 3cm
- BB₁: Ngang đáy = $\frac{1}{4}$ v.mông + 1 đến 2cm + $\frac{1}{10}$ v.mông
- B₁B₂: Vào đáy = $\frac{1}{10}$ v.mông + 1 cm
- BC: Hạ ống = $\frac{1}{10}$ v.mông + 1 cm
- CC₁: Giảm lại = 2cm



1.3. Cách cắt và chừa đường may:

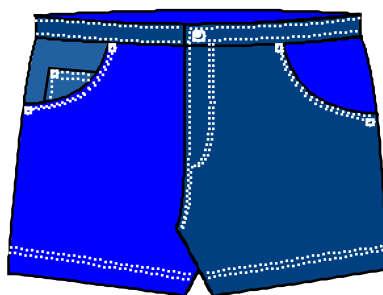
- Lưng & lai chừa 2cm đường may (tùy ý)
- Sườn thân & vòng đáy chừa 1 đến 1.5cm đường may.

1.4. Qui trình may:

- May sườn ống
- Ráp sườn đáy
- May lưng
- Luồng thun
- May lai

2. Quần short lưng rời:

2.1. Hình dáng:



2.2. Phương pháp thiết kế:

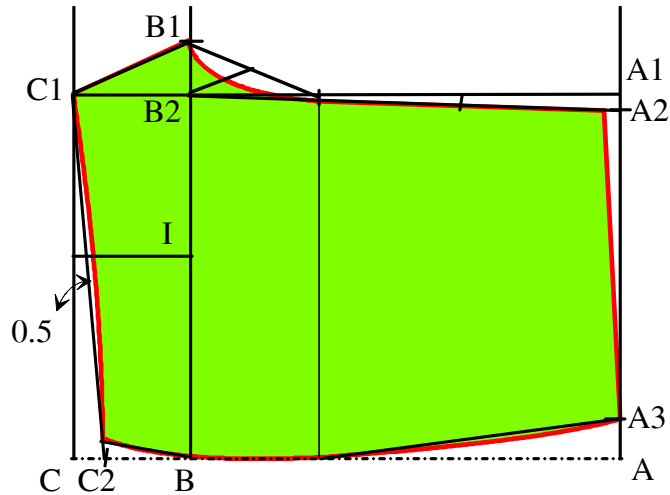
A. Ni mẫu

- Vòng hông = 56 cm
- Vòng eo = 50 cm

B. Cách vẽ

B1.Thân trước

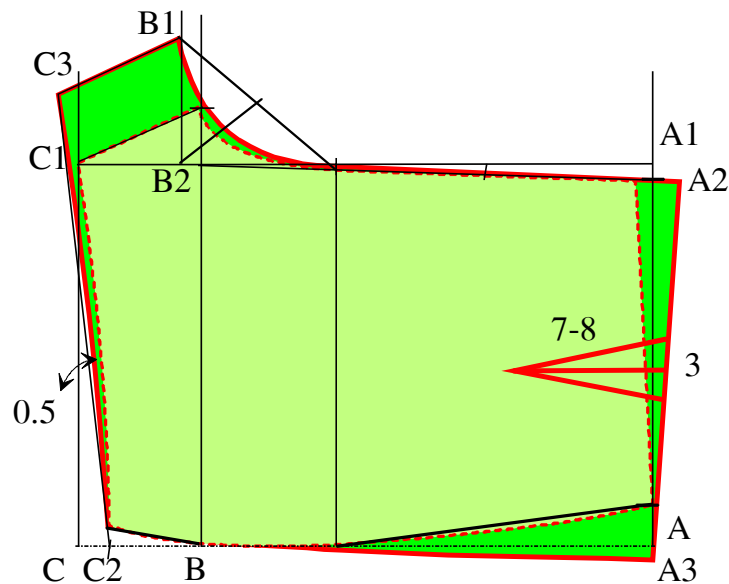
- AB: Hạ đáy = $\frac{1}{4}$ v.hông + 4 đến 5cm – 3cm lưng
- BC: Hạ ống = $\frac{1}{10}$ v.hông + 1 cm
- BB₁: Ngang đáy = $\frac{1}{4}$ v.hông + 4 đến 5cm
- B₁B₂: Vào đáy = $\frac{1}{20}$ v.hông
- I là trung điểm BB₁
- A₁A₂ = 1cm
- A₂A₃: Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo (+ 0.5cm cử động)
- CC₁: Ngang ống= BB₂
- CC₂: Giảm lai = 2cm



B2. Thân sau:

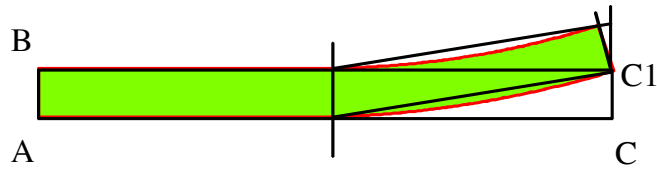
Hạ đáy thân sau sâu hơn hạ đáy thân trước 1cm.

- BB1: Ngang đáy = $(\frac{1}{4} \text{ v.mông} + 4 \text{ đến } 5\text{cm}) + \frac{1}{10} \text{ v.mông}$.
- B1B2: Vào đáy = $\frac{1}{10} \text{ v.mông} + 1\text{cm}$
- A1A2 = 1cm
- A2A3: Ngang eo = $\frac{1}{4} \text{ vòng eo} + (2 \text{ đến } 3\text{cm xếp li})$
- C1C3 = 4cm
- CC2: Giảm lại = 2cm



B3. Lưng quần:

- AC: Dài lưng = $\frac{1}{2} \text{ v.eo} + 7 \text{ đến } 8\text{cm}$
- AB: Chiều cao = số đo
- CC1 = 3cm
- Xung quanh chừa 1cm đường may.



2.3. Cách cắt và chừa đường may:

A. Thân trước:

- Lưng chừa 1cm đường may
- Sườn ống, dằng trong chừa 1.5 cm đường may
- Lai chừa 2cm đường may

B. Thân sau:

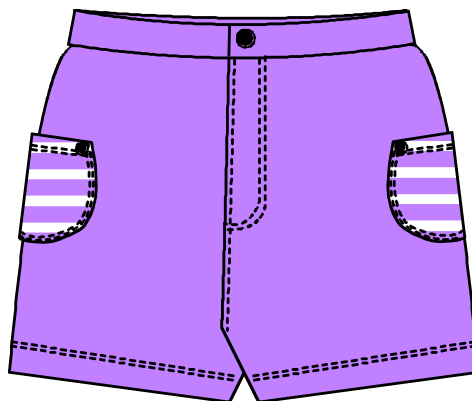
- Lưng chừa 1cm đường may
- Sườn ống, dằng trong chừa 1.5 cm đường may
- Sườn đáy thân sau trên lưng chừa 4cm nhỏ dần còn 1 cm đường may.
- Lai chừa 2cm đường may.

2.4. Qui trình may:

- May li thân sau
- May túi xéo
- Tra dây kéo
- May sườn hông
- May lưng và ráp lưng vào thân
- May sườn ống
- Ráp vòng đáy
- Ủi định hình li
- Ủi lai quần
- Vắt lai, thừa khuy, kết nút.

3. Quần short lưng thun:

3.1. Hình dáng:



3.2. Phương pháp thiết kế:

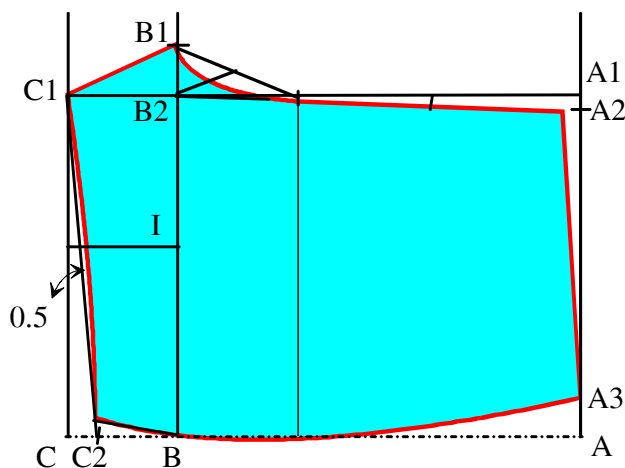
A. Ni mẫu

- Vòng mông = 56 cm
- Vòng eo = 50 cm

B. Cách vẽ

B1. Thân trước:

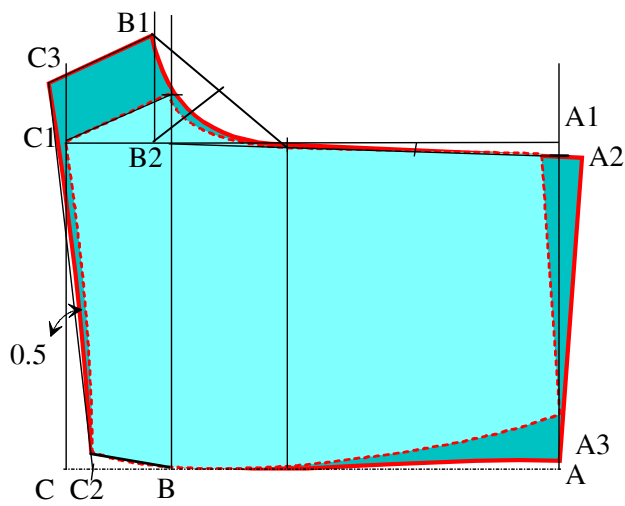
- AB: Hạ đáy = $\frac{1}{4}$ v.mông + 4 đến 5cm – 3cm lưng
- BC: Hạ ống = $\frac{1}{10}$ v.mông + 1 cm
- BB₁: Ngang đáy = $\frac{1}{4}$ v.mông + 4 đến 5cm
- B₁B₂: Vào đáy = $\frac{1}{20}$ v.mông
- I là trung điểm BB₁
- A₁A₂ = 1cm
- A₂A₃: Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo
- CC₁: Ngang ống= BB₂
- CC₂: Giảm lại = 2cm



B2. Thân sau:

Hạ đáy thân sau sâu hơn hạ đáy thân trước 1cm.

- BB₁: Ngang đáy = $(\frac{1}{4}$ v.mông + 4 đến 5cm) + $\frac{1}{10}$ v.mông.
- B₁B₂: Vào đáy = $\frac{1}{10}$ v.mông + 1cm
- A₁A₂ = 1cm
- A₂A₃: Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo + (4 đến 6cm)
= $\frac{1}{4}$ v.mông + (2 đến 3cm)
- C₁C₃ = 4cm
- CC₂: Giảm lại = 2cm



3.3. Cách cắt và chừa đường may:

A. Thân trước:

- Lưng chừa 3cm đường may
- Sườn ống, dằng trong chừa 1.5 cm đường may
- Lai chừa 2cm đường may

B. Thân sau:

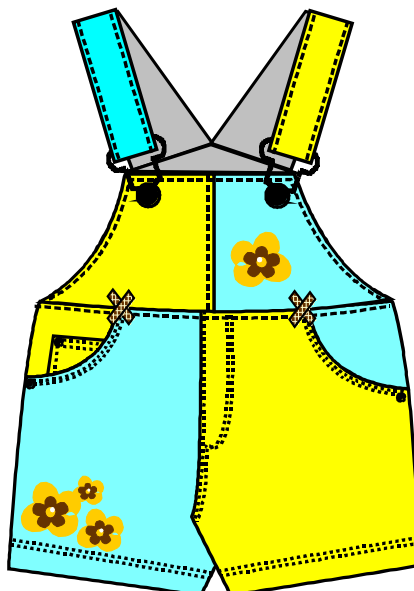
- Lưng chừa 3cm đường may
- Sườn ống, dằng trong chừa 1.5 cm đường may
- Sườn đáy thân sau trên lưng chừa 4cm nhỏ dần còn 1 cm đường may.
- Lai chừa 2cm đường may.

3.4. Qui trình may:

- May đắp lưng vào thân trước
- May thun vào thân sau
- May sườn hông
- May sườn ống
- Ráp vòng đáy
- Ủi lai quần
- Vắt lai
- Thùa khuy
- Đính cúc
-

4. Quần short yếm

4.1. Hình dáng:

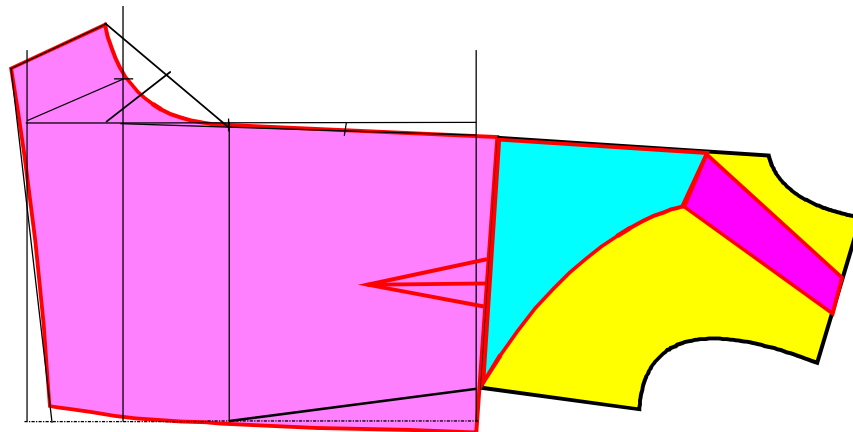
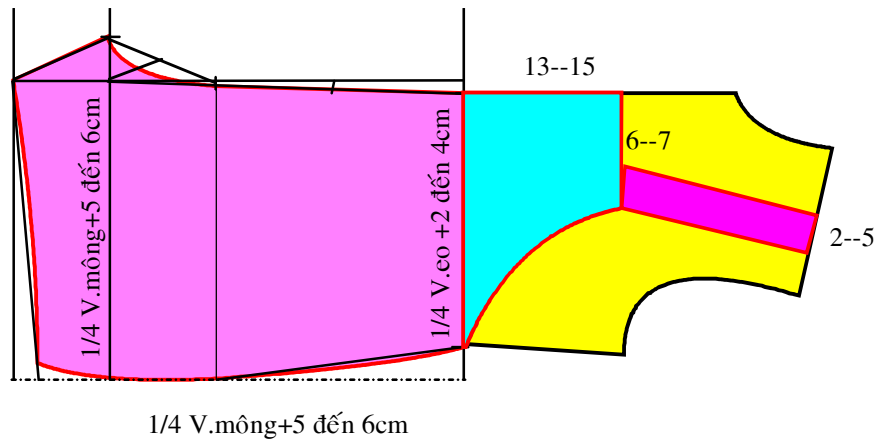


4.2. Phương pháp thiết kế:

A. Ni mẫu:

- Vòng mông = 56 cm
- Vòng eo = 50 cm

B. Phương pháp thiết kế:



Bài tập 1 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu quần yếm theo hình sau:



Bài tập 2 : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu quần yếm theo hình sau:



Bài 2

CÁC DẠNG QUẦN TÂY

1. Quần tây không li:

1.1. Ni mẫu:

- Dài quần = 60cm
- Vòng hông = 56cm
- Vòng eo = 50cm
- Vòng ống = 12cm

1.2. Cách vẽ:

A. Thân trước::

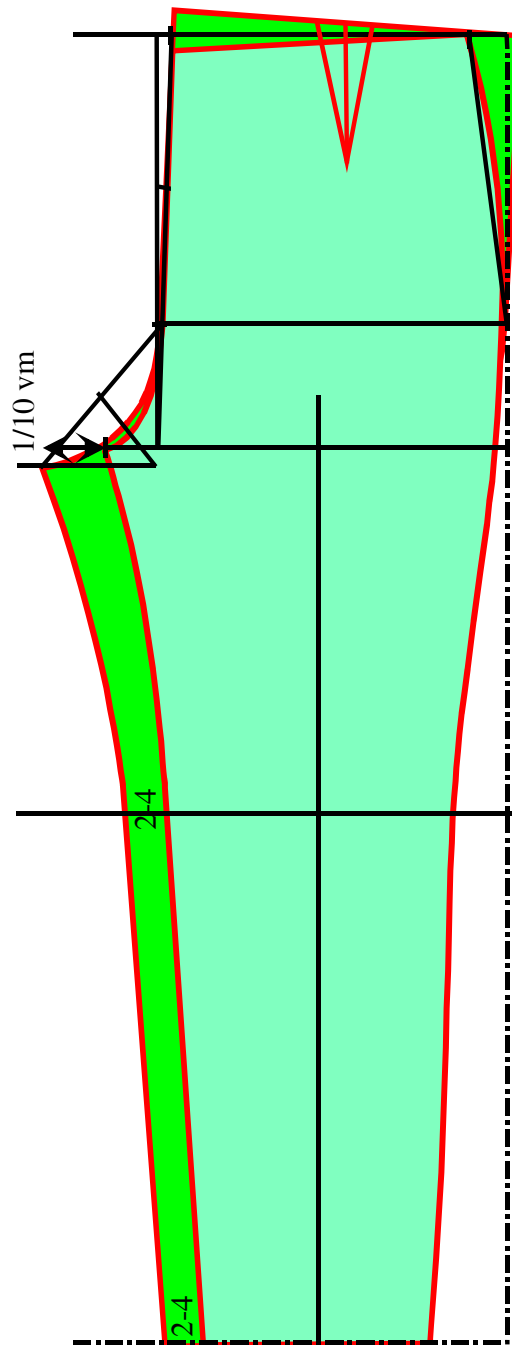
- Dài quần = số đo – lưng
- Hạ đáy = $(\frac{1}{4} \text{ vòng hông} + 4 \text{ đến } 5) - \text{lưng}$
- Ngang đáy = $(\frac{1}{4} \text{ vòng hông} + 4 \text{ đến } 5)$
- Vào đáy = $\frac{1}{20} \text{ vòng hông}$
- Hạ gối = $\frac{1}{2}$ khoảng cách từ đường ngang hông đến đường ngang ống
- Ngang eo = $\frac{1}{4} \text{ vòng eo} + 0.5\text{cm}$
- Ngang gối = ngang ống + 4cm đến 5cm
- Ngang ống = số đo – 1 đến 2cm
- Lai quần = 3cm

B. Thân sau: :

- Dài quần = dài quần thân trước
- Hạ đáy thân sau dài hơn hạ đáy thân trước 1cm
- Ngang đáy = ngang đáy thân trước + $\frac{1}{10} \text{ vòng hông}$
- Vào đáy = $\frac{1}{10} \text{ vòng hông} + 1\text{cm}$
- Hạ gối = hạ gối thân trước
- Ngang eo = $\frac{1}{4} \text{ vòng eo} + 0.5\text{cm} + 2 \text{ đến } 3\text{cm}$
- Ngang gối = ngang gối thân trước + 2 đến 4 cm
- Ngang ống = số đo + 2 đến 4cm
- Lai quần = 3cm

1.3. Cách cắt và chừa đường may

- Thân trước: Lưng chừa 1cm; sườn hông & sườn ống chừa 1,2 cm đến 1,5 cm; lai cắt sát theo đường phấn.
- Thân sau: Lưng chừa 1cm; sườn hông & sườn ống chừa 1,2 cm đến 1,5 cm; lai cắt sát theo đường phấn; Vòng đáy thân sau trên lưng chừa 3cm giảm đều xuống vòng đáy còn 1cm.



2. Quần tây xếp li:

2.1. Ni mẫu:

- Dài quần = 60cm
- Vòng mông = 56cm
- Vòng eo = 50cm
- Vòng ống = 12cm

2.2. Cách vẽ:

A. Thân trước:

- Dài quần = số đo – lưng
- Hạ đáy = $(\frac{1}{4} \text{ vòng mông} + 6 \text{ đến } 8) - \text{lưng}$

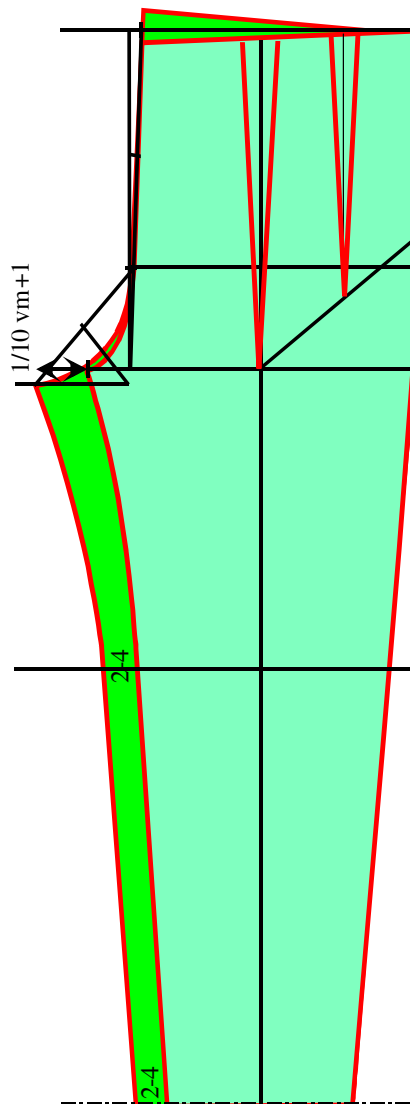
- Ngang đáy = ($\frac{1}{4}$ vòng hông + 6 đến 8)
- Vào đáy = $\frac{1}{20}$ vòng hông
- Hạ gối = $\frac{1}{2}$ khoảng cách từ đường ngang hông đến đường ngang ống
- Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo + 4 đến 6cm
- Ngang ống = số đo - 1 đến 2cm
- Lai quần = 3cm

B. Thân sau:

- Dài quần = dài quần thân trước
- Hạ đáy thân sau dài hơn hạ đáy thân trước 1cm
- Ngang đáy = ngang đáy thân trước + $\frac{1}{10}$ vòng hông
- Vào đáy = $\frac{1}{10}$ vòng hông + 1cm
- Hạ gối = hạ gối thân trước
- Ngang eo = $\frac{1}{4}$ vòng eo + 0.5cm + 2 đến 3cm
- Ngang gối = ngang gối thân trước + 2 đến 4 cm
- Ngang ống = số đo + 2 đến 4cm
- Lai quần = 3cm

2.3. Cách cắt và chừa đường may:

- Thân trước: Lưng chừa 1cm; sườn hông & sườn ống chừa 1,2 cm đến 1,5 cm; lai cắt sát theo đường phấn.
- Thân sau: Lưng chừa 1cm; sườn hông & sườn ống chừa 1,2 cm đến 1,5 cm; lai cắt sát theo đường phấn; Vòng đáy thân sau trên lưng chừa 3cm giảm đều xuống vòng đáy còn 1cm.



Bài tập : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu quần lưng thun theo hình vẽ sau :



Bài 3

CÁC DẠNG ÁO CHEMISE

1. Áo bầu danton:

1.1. Ni mẫu:

- Dài áo = 56 cm
- Vòng ngực = 64 cm
- Tay dài = 20 cm
- Rộng vai = 32 cm
- Vòng cổ = 28 cm

1.2. Phương pháp thiết kế:

A. Thân trước:

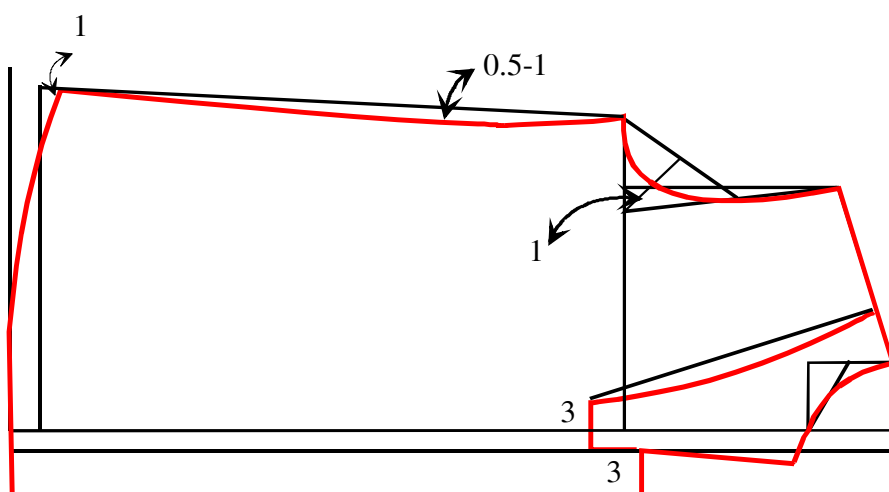
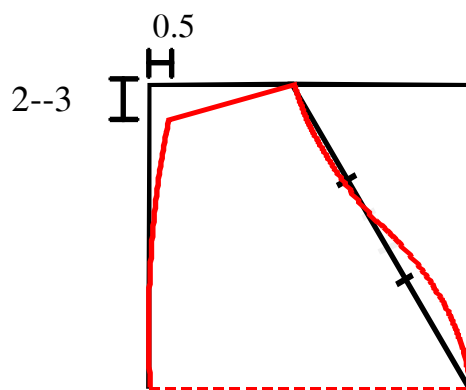
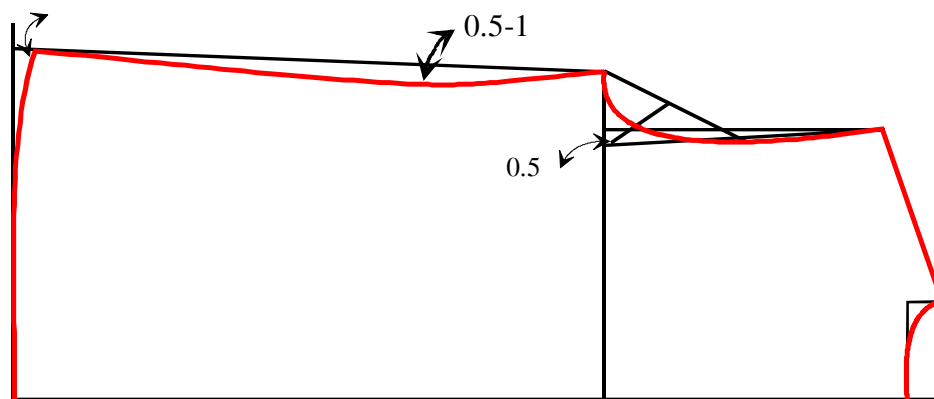
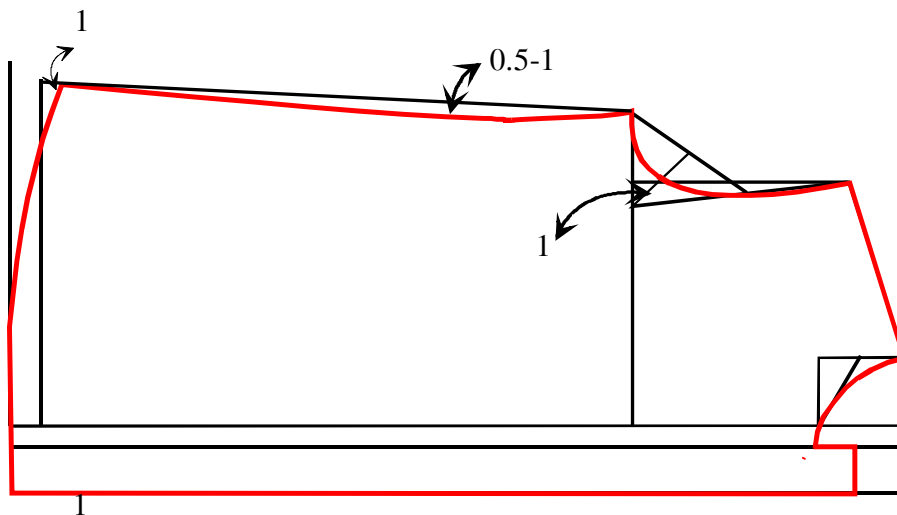
- Dài áo = số đo – chồm vai
- Ngang vai = $\frac{1}{2}$ vai – 0.5cm
- Hạ vai = $\frac{1}{10}$ vai
- Hạ nách = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 0 đến 1cm
- Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 3 đến 4cm
- Sa vạt 2cm
- Ngang lai = ngang ngực + 1cm
- Vào cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ
- Giảm lai 1cm

B. Thân sau:

- Dài áo = số đo + chồm vai
- Ngang vai = $\frac{1}{2}$ vai + 0.5cm
- Hạ vai = $\frac{1}{10}$ vai
- Hạ nách = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 0 đến 1cm + 2 chồm vai
- Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 3 đến 4cm
- Ngang lai = ngang ngực + 1cm
- Vào cổ = $\frac{1}{6}$ vòng cổ + 1cm
- Hạ cổ = $\frac{1}{20}$ vòng cổ
- Giảm lai 1cm

C. Tay áo:

- Dài tay = số đo
- Hạ nách tay = $\frac{1}{10}$ vòng ngực + 1 đến 2 cm.
- Ngang nách tay = $\frac{1}{4}$ vòng ngực + 0 đến 1cm.
- Ngang cửa tay = ngang nách tay – 2cm
- Giảm lai tay = 0.5 cm



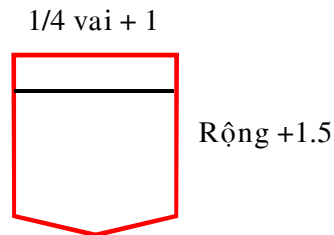
D.

Ve áo:

E. Bâu áo:



F. Túi áo:



2. Áo bâu tenant:

Thân áo & tay áo thiết kế giống áo bâu danton.

Cổ áo: lá cổ và chân cổ

A. Lá cổ:

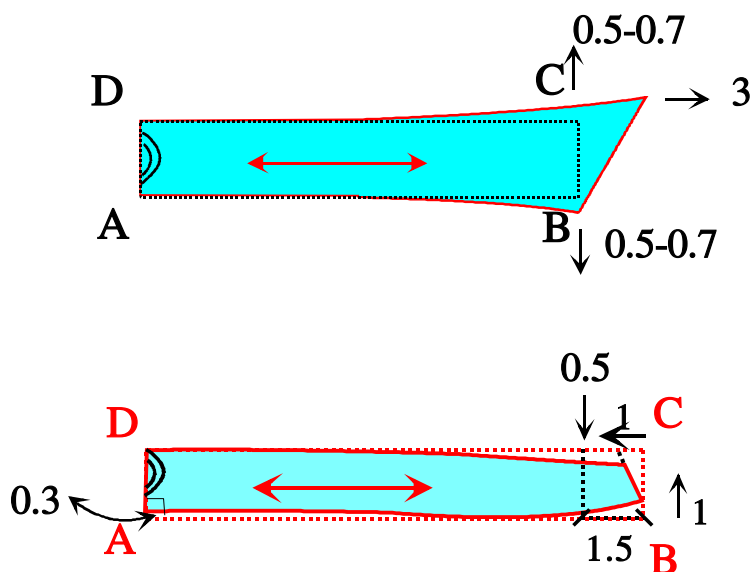
Gấp đôi vải theo canh ngang, kẻ hình chữ nhật ABCD

- AB: Dài lá cổ = vòng cổ/2
- AD: Bản lá cổ trung bình = 2.5 đến 4cm

B. Chân cổ:

Gấp đôi vải giống lá cổ

- AB: dài chân cổ = vòng cổ/2 + 1.5 cm
- AD: bản chân cổ = 2 đến 3cm



Bài tập : Từ công thức thiết kế căn bản đã học hãy thiết kế kiểu áo theo hình vẽ sau :



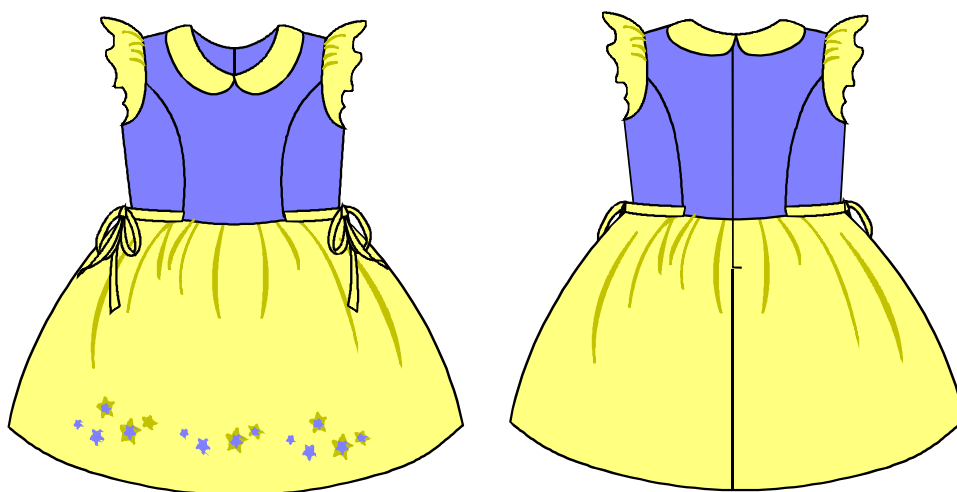
Bài 1

THIẾT KẾ RẬP ĐẦM BÉ GÁI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

CHỦNG LOẠI: ĐẦM TRẺ EM

1. Mô tả hình dáng và phương pháp đo



2. Những đặc điểm cần lưu ý

Áo đầm bé gái có đường ráp ngang eo, bâu lá sen nằm, tay cách tiên.

Dây kéo phía sau lưng, buộc dây rút ngang eo

Thân trước và thân sau áo có đề cúp

3. Bảng thông số thành phẩm: (Tính bằng cm)

STT	CHI TIẾT ĐO \ SIZE	2	4	6
1	Dài áo	54	56	58
2	Ngang vai	27	28	29
3	Vòng cổ	26	27	28
4	Vòng ngực	56	60	64
5	Vòng hông	62	68	72
6	Vòng nách	26	28	30
7	Hạ eo	24	26	28

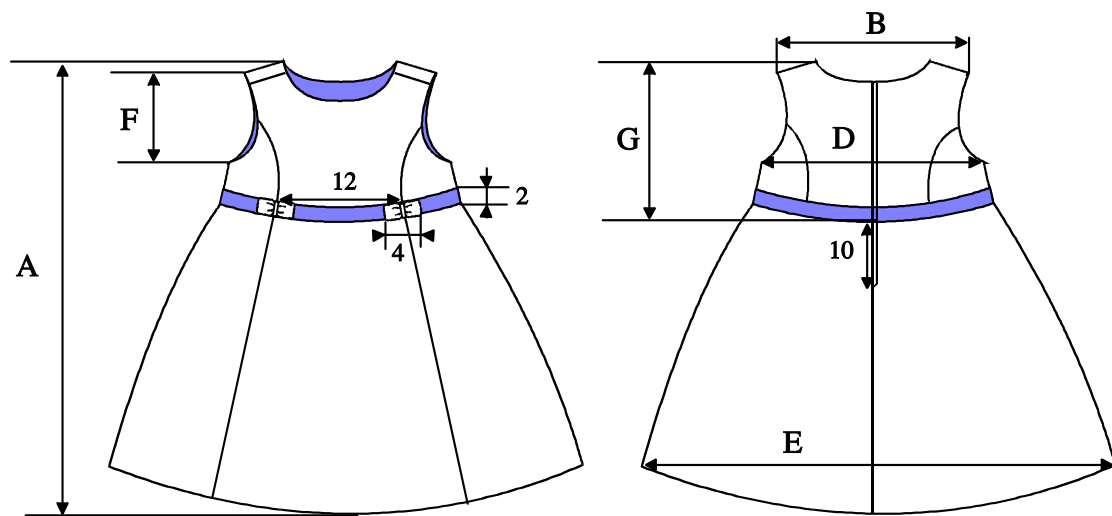
Bài 2

THIẾT KẾ RẬP ĐẦM BÉ GÁI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

CHUNG LOẠI: Đầm trẻ em (MÃ HÀNG: L1- 01ĐCM)

1. Mô tả hình dáng và phương pháp đo



2. Bảng thông số thành phẩm: (Tính bằng cm)

STT	CHI TIẾT ĐO \ SIZE	2	4	6
A	Dài áo	45	50	55
B	Ngang vai	22	24	26
	Vòng cổ	28	30	32
D	Ngang ngực	28	30	32
E	Ngang tà váy (đầm)	42	44	46
F	Hạ nách đo thẳng	11	12	13.5
G	Hạ eo	18	20	22
Lưu ý: Chỗm vai 1cm				

Bài 3

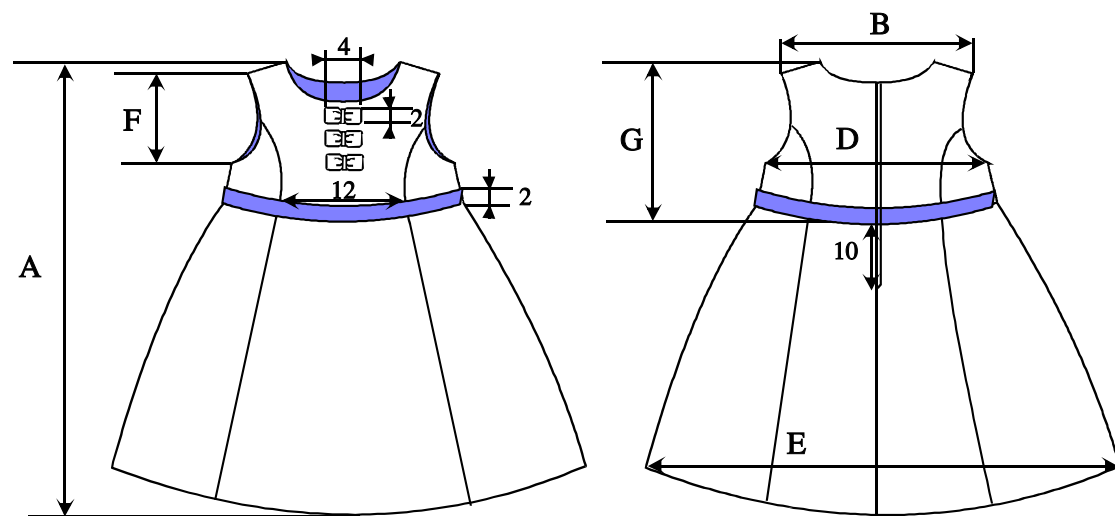
THIẾT KẾ RÁP ĐẦM BÉ GÁI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

CHUNG LOẠI: Đầm trẻ em (MÃ HÀNG: L2- 01ĐCM)

1. Mô tả hình dáng và phương pháp đo

Áo đầm cổ tròn có đường ráp ngang eo, áo có đê cúp ngực thân trước và thân sau.



2. Bảng thông số thành phẩm: (Tính bằng cm)

STT	CHI TIẾT ĐO \ SIZE	2	4	6
A	Dài áo	46	49	54
B	Ngang vai	22	24	26
	Vòng cổ	26	28	30
D	Ngang ngực	28	30	32
E	Ngang tà váy (đầm)	40	42	44
F	Hạ nách đo thẳng	11	12	13.5
G	Hạ eo	18	20	22
Lưu ý: Chỗm vai 1cm				

Lưu ý: Thiết kế và nhẩy size trên một tờ giấy không cắt ráp rời từng chi tiết

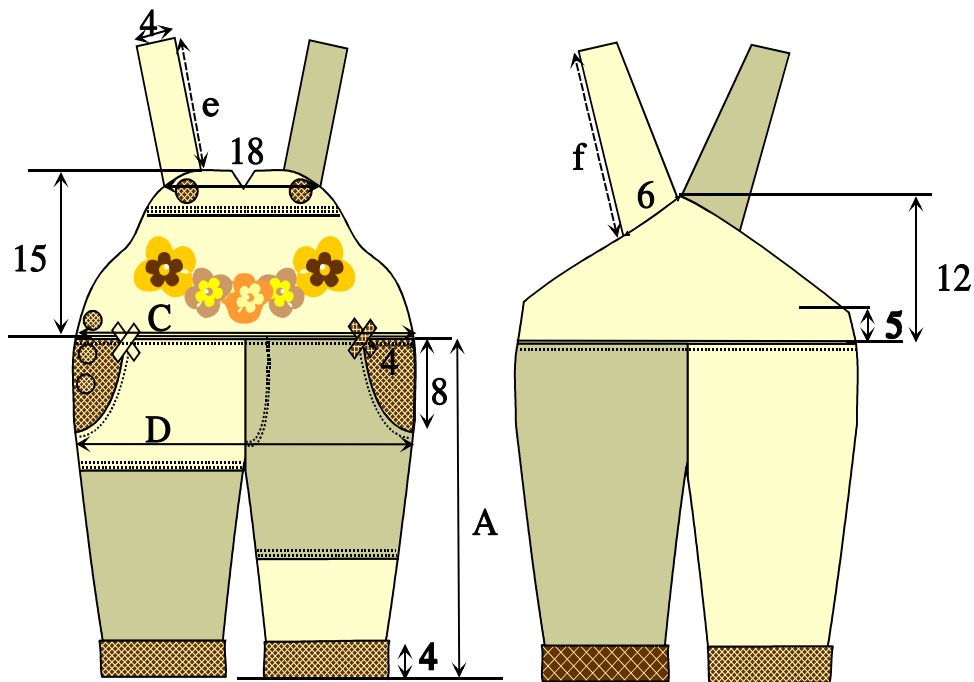
Bài 4

THIẾT KẾ RẠP YẾM BÉ GÁI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

CHUNG LOẠI: YẾM TRẺ EM

1. Mô tả hình dáng và phương pháp đo



2. Bảng thông số thành phẩm: (Tính bằng cm)

STT	CHI TIẾT ĐO \ SIZE	2	4	6
A	Dài quần	43	45	47
	Hạ đáy (đo thẳng)	21	22	23
C	Ngang eo	35	37	39
D	Vòng mông	37	39	41
	Ngang ống	14	15	16
	Cao yếm sau	12	12	12
	Dây yếm (e+f)	25	27	29
	Cao yếm trước	14	15	16

Bài 5

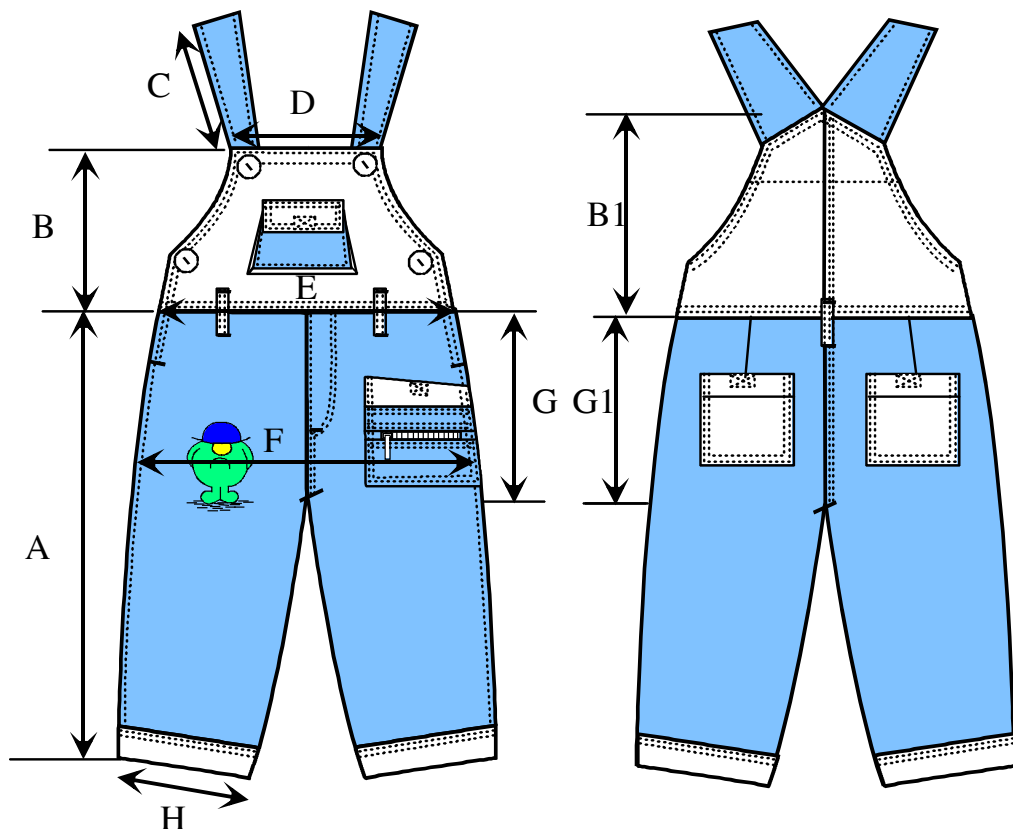
THIẾT KẾ RẬP YẾM BÉ TRAI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Chủng loại: quần yếm

Mã hàng: TE8-12659

1. Mô tả hình dáng và phương pháp đo



2. Những đặc điểm cần lưu ý

Quần yếm jean, xẻ gài nút hai bên, chồm gài nút 1.5cm.

Thân yếm phía trước và sau và dây áo lộn hai lớp: gấn túi hộp có nắp phía trước, thân sau yếm nổi sống lưng.

Thân trước hai dây passant nằm chính giữa, thân sau một dây passant nằm ở đường nổi sống lưng.

Paghếch giả, may baghếch rời.

Quần lai đắp 2.5cm.

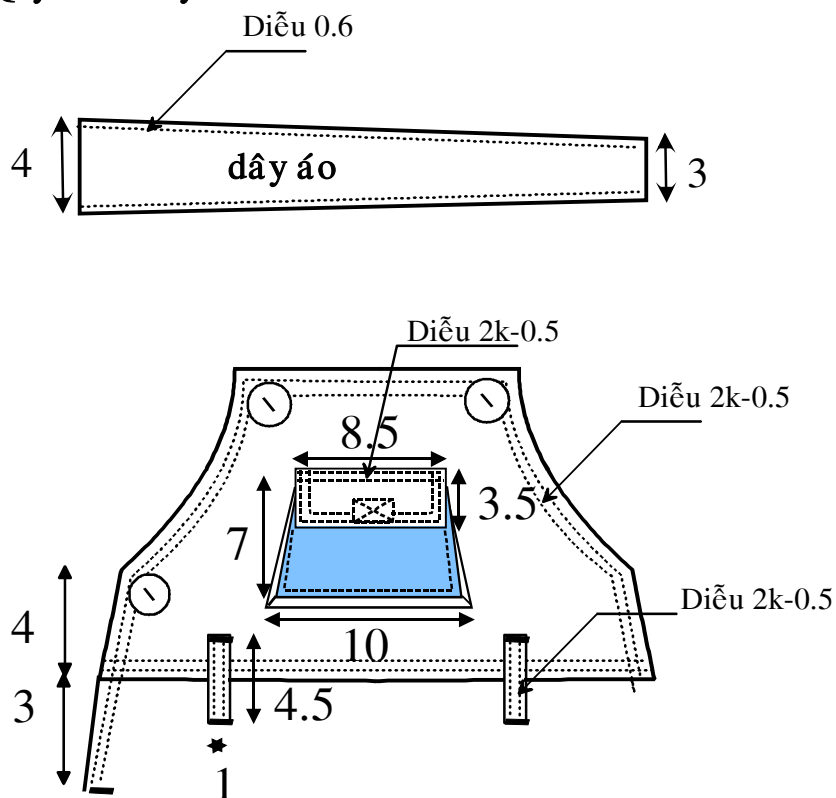
Thân quần trước bên phải gấn một túi dây kéo, bên trái thêu hình trang trí.

Thân sau chiết ben và gấn hai túi đắp.

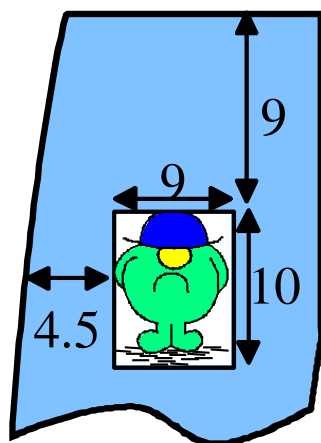
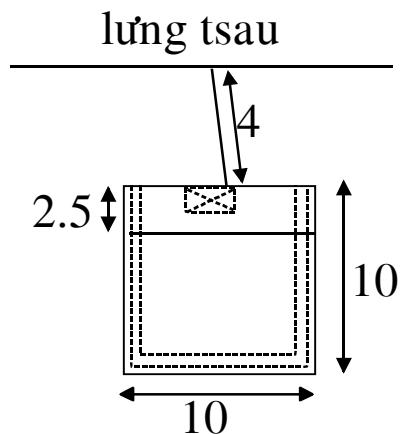
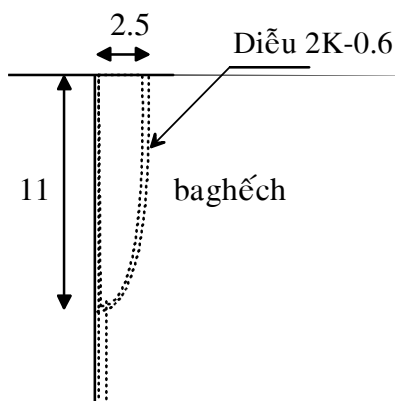
3. Bảng thông số thành phẩm (tính bằng cm)

T	CHI TIẾT ĐO / SIZE	2	4	6
	ân	42	46	50
	m trước	12	16	18
	m sau	15	19	21
	y trước (ây trước + sau+ tăng giảm cài nút)	9	11	14
	yếm	12	3.5	15
	eo	28	31	35
	mông (từ ngang eo đo xuống 15)	35	36	37
	ân trước đo cong	19	21	24
	ân sau đo cong	24	26	29
	ống	12	14	16

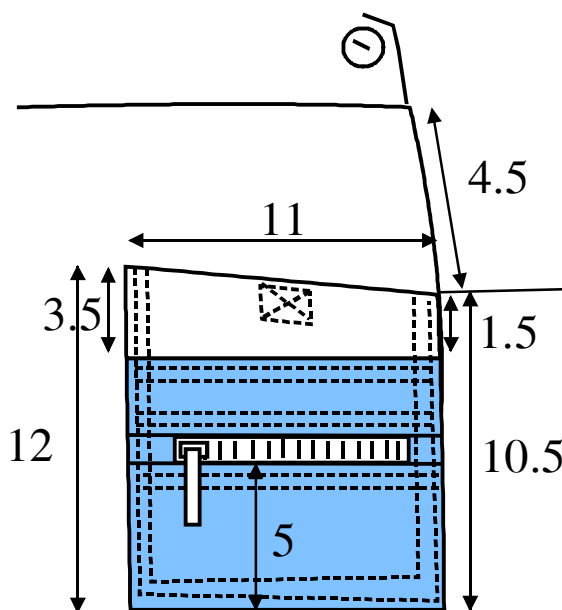
4. Quy cách may



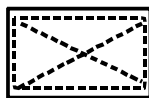
túi hộp 1.5, passant



vị trí thêu



mí 0.1



Lưu ý:

- Dàng ngoài và dàng trong VS5C
- Tất cả các đường may đều 2 kim 0.5cm.
- Dàng ngoài + mí baghéch + mí túi hộp đường may mí 0.1cm.
- Túi hộp + túi dây kéo + túi sau đều 2 kim 0.5cm
- Băng dính = dài x rộng = 2cm x 1.5cm.

MỘT SỐ MẪU THAM KHẢO



Mẫu 1: đầm liền thân



*Mẫu 2: đầm có đường
ráp dưới eo*



*Mẫu 3: đầm có đường
ráp trên eo*



*Mẫu 4: đầm có đường
ráp trên eo*





*Mẫu 5: đầm có đường
rập trên eo*

*Mẫu 6: đầm liền phối
màu*



*Mẫu 7: đầm có đường
rập ngang eo*



*Mẫu 8: đầm có đường
rập trên eo*



Mẫu 9: đầm liền



Mẫu 10: đầm liền



Mẫu 11: đầm dún tầng

Mẫu 12: đầm có đường
ráp ngang eo



